

CẬP NHẬT

# KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA VIETINBANK

Quý II và 6 tháng 2025



Bộ phận IR  
Ban Thư ký HĐQT&QHCD



Tháng 8/2025



## *Mục lục*

- 01** NHỮNG CHỈ TIÊU NỔI BẬT TRONG QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
- 02** CHI TIẾT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
- 03** CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG
- 04** KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025
- 05** PHỤ LỤC

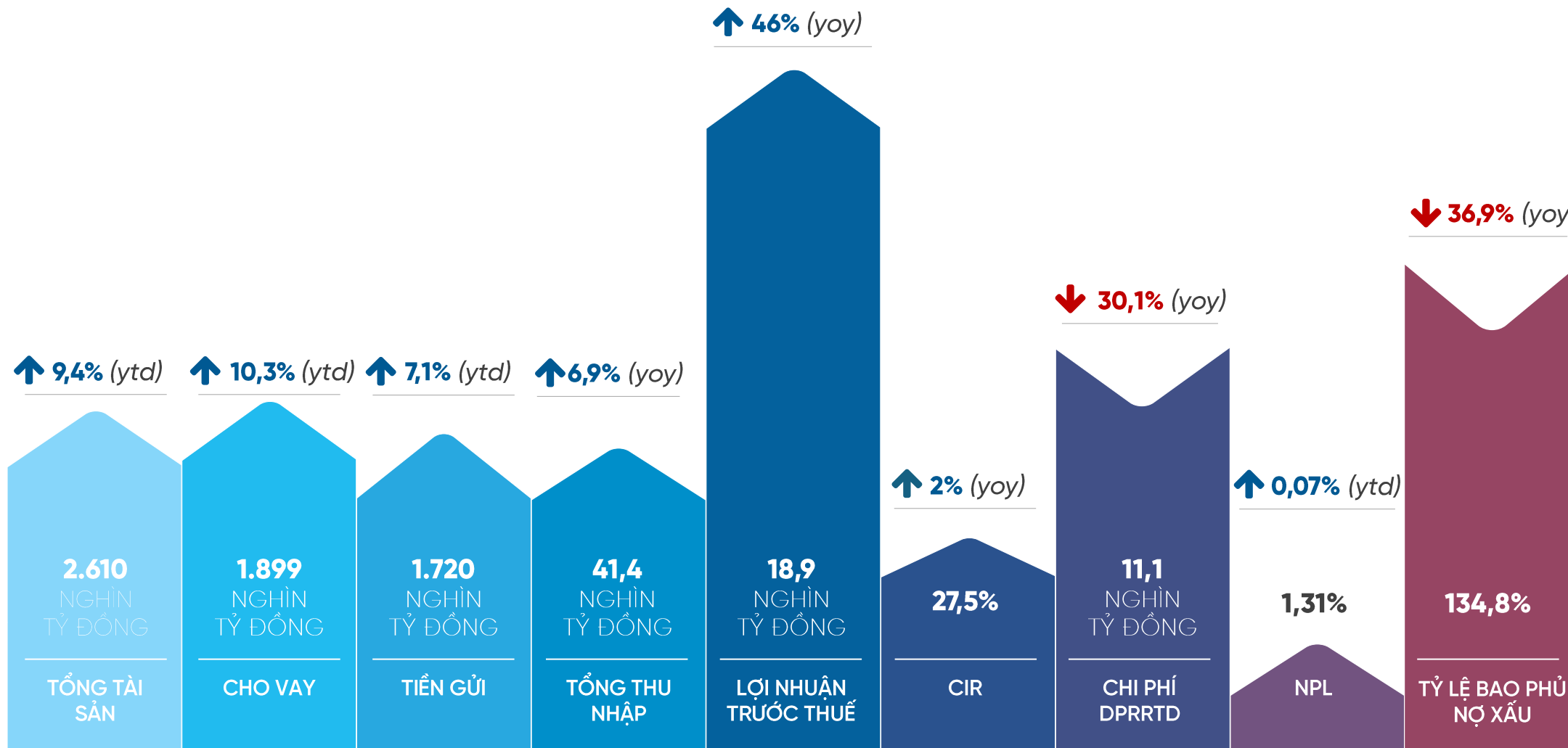


## *Mục lục*

- 01** NHỮNG CHỈ TIÊU NỔI BẬT TRONG QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
- 02** CHI TIẾT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
- 03** CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG
- 04** KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025
- 05** PHỤ LỤC



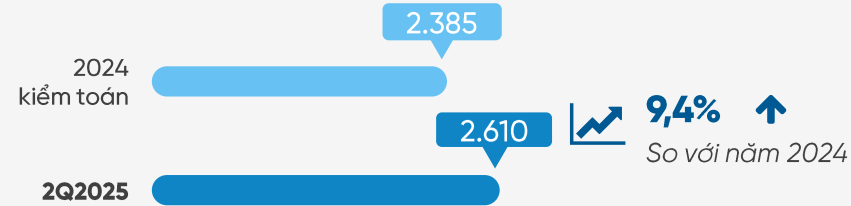
# Hoạt động kinh doanh 2Q2025 và 6T2025 tăng trưởng tích cực cả về quy mô và hiệu quả





# Tăng trưởng quy mô an toàn, hiệu quả

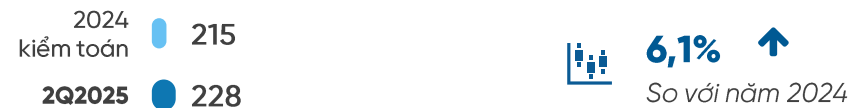
## TỔNG TÀI SẢN (Nghìn tỷ đồng)



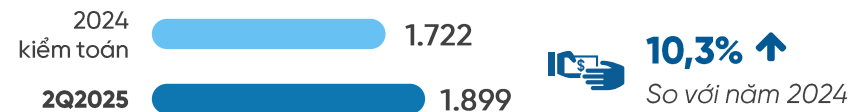
## ▶ TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC\* (Nghìn tỷ đồng)



## ▶ CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ\* (Nghìn tỷ đồng)



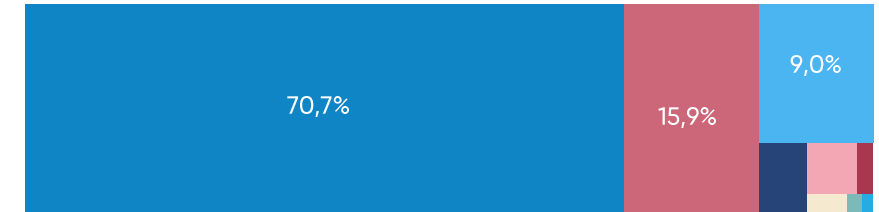
## ▶ CHO VAY KHÁCH HÀNG\* (Nghìn tỷ đồng)



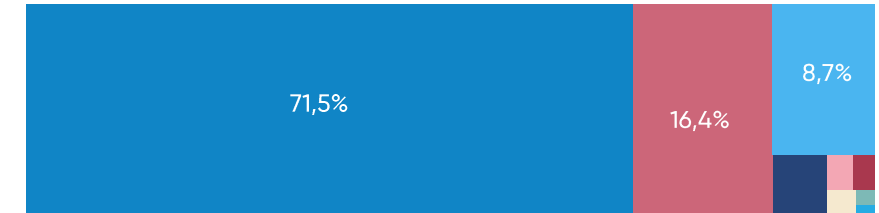
Ghi chú \*: Số liệu trước dự phòng rủi ro.

## CƠ CẤU TỔNG TÀI SẢN (%)

2024 kiểm toán



2Q2025

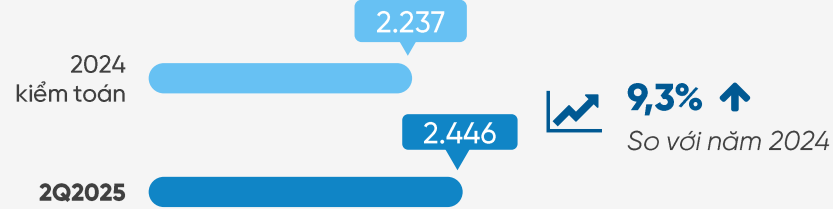


- Cho vay khách hàng
- Chứng khoán đầu tư
- Tiền gửi và cho vay các TCTD khác
- Chứng khoán kinh doanh
- Tiền mặt, vàng bạc, đá quý
- Tiền gửi tại NHNN
- Công cụ tài chính phái sinh
- Góp vốn đầu tư dài hạn
- Tài sản cố định
- Tài sản có khác

Tính đến 30/06/2025, Tổng tài sản của VietinBank đạt gần **2.610 nghìn tỷ đồng (+9,4% ytd)**. Trong đó, khoản mục Tiền gửi và cho vay các TCTD khác **tăng 13,3% ytd**, Cho vay khách hàng **tăng 10,3% ytd**; trong khi Tiền gửi tại NHNN **giảm 60,2% ytd**.

# Tăng trưởng quy mô an toàn, hiệu quả

## TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (Nghìn tỷ đồng)



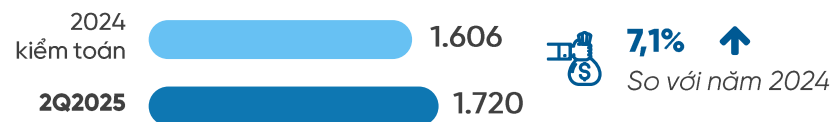
## CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN; TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC (Nghìn tỷ đồng)



## PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ (Nghìn tỷ đồng)

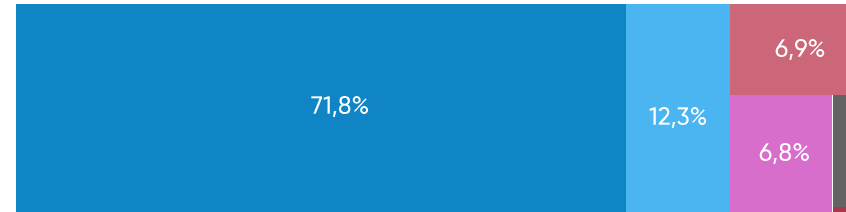


## TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (Nghìn tỷ đồng)

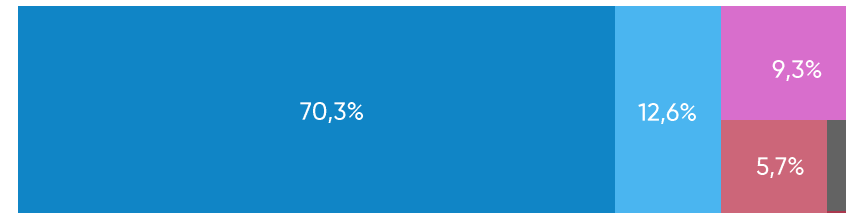


## CƠ CẤU TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (%)

2024 kiểm toán



2Q2025



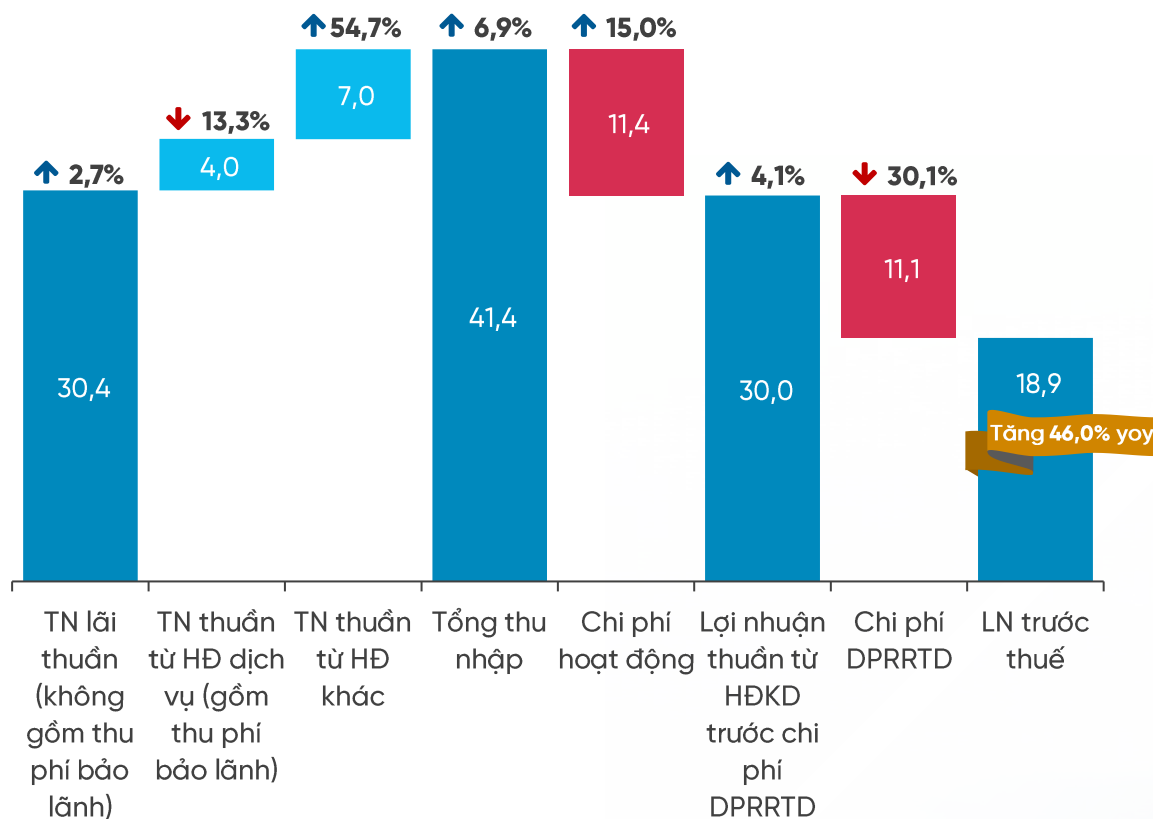
- Tiền gửi khách hàng
- Tiền gửi và vay các TCTD khác
- Phát hành giấy tờ có giá
- Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư
- Các khoản nợ Chính phủ và NHNN
- Nguồn huy động khác

Tính đến 30/06/2025, Tổng nợ phải trả của VietinBank đạt **2.446 nghìn tỷ đồng (+9,3% ytd)**. Trong đó, Tiền gửi của khách hàng đạt **1.720 nghìn tỷ đồng, tăng 7,1% ytd**. Khoản mục Tiền gửi và vay các TCTD khác **tăng 11,2% ytd**; Phát hành giấy tờ có giá **tăng 50,3% ytd** nhằm đa dạng hóa các kênh huy động và tối ưu hóa cấu trúc kỳ hạn của nguồn vốn; Các khoản nợ Chính phủ & NHNN **giảm 10,2% ytd**.





## CẤU PHẦN LỢI NHUẬN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025



↑ ↓ Mức độ tăng giảm từng khoản mục trong 6T2025 so với 6T2024 (yoy)

Tổng thu nhập hoạt động 6T2025 đạt **41,4 nghìn tỷ đồng (+6,9% yoy)**. Trong đó:

• Thu nhập lãi thuần (không gồm thu phí bảo lãnh) đạt **hơn 30,4 nghìn tỷ đồng, tăng 2,7% yoy** nhờ tăng trưởng dư nợ và tối ưu hóa chi phí huy động vốn, tiết giảm chi phí đầu vào.

• Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ (gồm thu phí bảo lãnh) đạt **4,0 nghìn tỷ đồng (-13,3% yoy)** trong bối cảnh mặt bằng thu phí dịch vụ các ngân hàng có xu hướng giảm so với năm 2024.

• Thu XLRR đạt **hơn 4 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh 89,4% yoy**.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí DPRRTD 6T2025 đạt **hơn 30 nghìn tỷ đồng (+4,1% yoy)**. Nhờ kiểm soát chặt chẽ chất lượng tài sản, chi phí DPRRTD trong quý 2/2025 giảm mạnh **30,1% yoy**.

Lợi nhuận trước thuế 2Q2025 đạt **12,1 nghìn tỷ đồng, (+79,2% yoy)**, trở thành **doanh nghiệp có lợi nhuận cao nhất trên thị trường chứng khoán**. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2025, Lợi nhuận trước thuế của VietinBank đạt **18,9 nghìn tỷ đồng (+46% yoy)**, **TOP 2 ngành ngân hàng**.





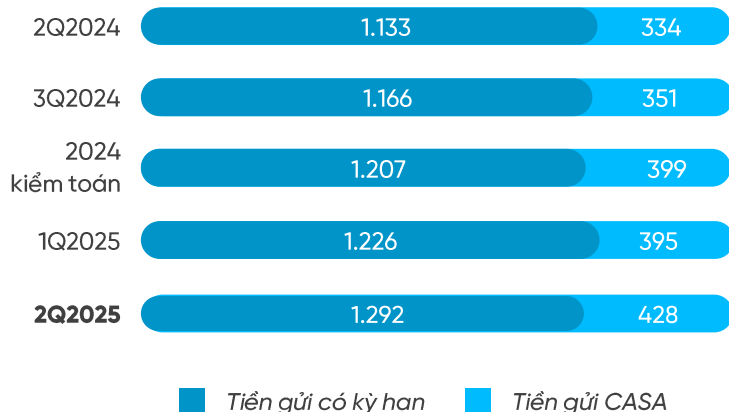
## *Mục lục*

- 01** NHỮNG CHỈ TIÊU NỔI BẬT TRONG QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
- 02** CHI TIẾT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
- 03** CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG
- 04** KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025
- 05** PHỤ LỤC

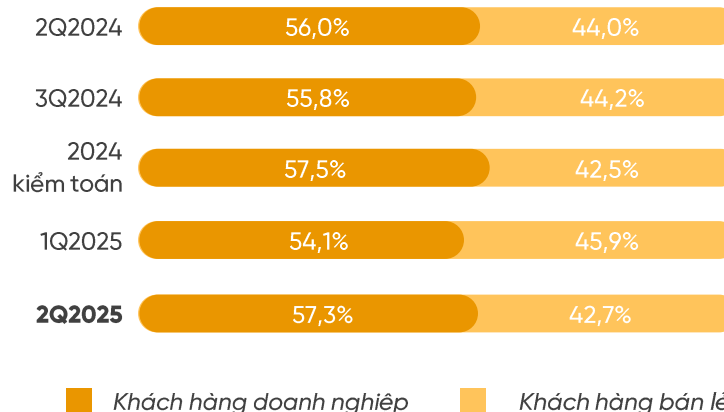


# Nguồn vốn tăng trưởng phù hợp với định hướng cân đối vốn

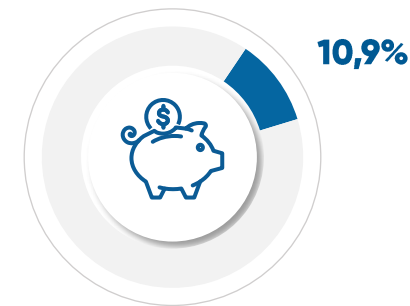
## ▶ TIỀN GỬI THEO KỲ HẠN (Nghìn tỷ đồng)



## ▶ NGUỒN VỐN CASA THEO PHÂN KHÚC

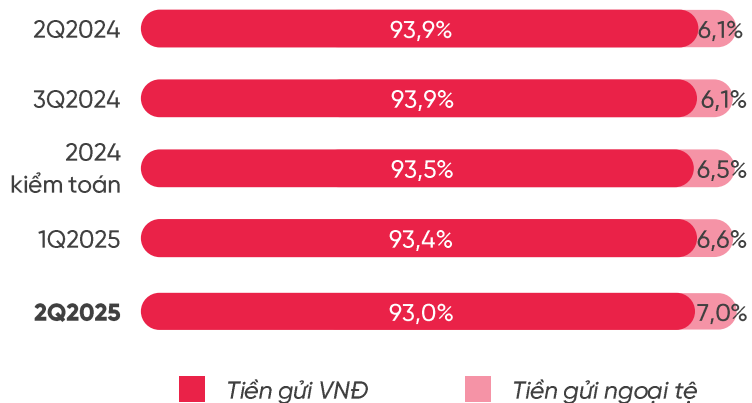


## ▶ THỊ PHẦN TIỀN GỬI

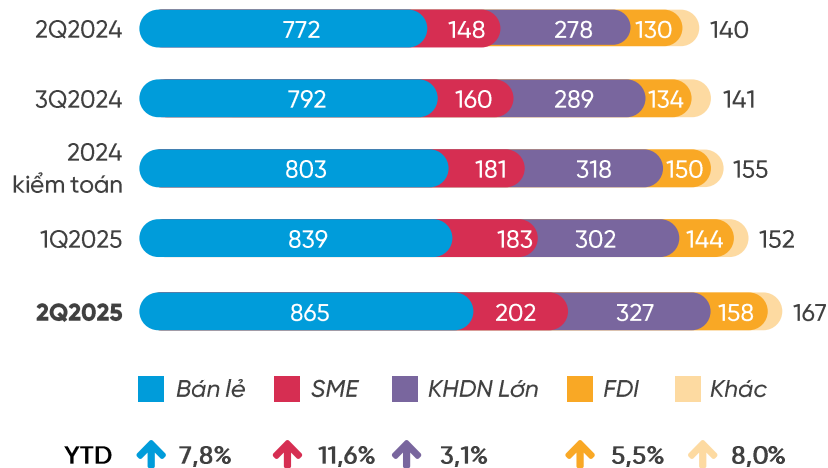


(Tại thời điểm 30/06/2025, Nguồn: NHNN)

## ▶ TIỀN GỬI THEO ĐỒNG TIỀN



## ▶ TIỀN GỬI THEO PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG\* (Nghìn tỷ đồng)



- ▶ Tiền gửi khách hàng tính đến 30/06/2025 **tăng 7,1% ytd**, tăng trưởng ở tất cả các phân khúc, phù hợp với định hướng tăng trưởng tín dụng và đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định.
- ▶ Tiền gửi phân khúc SME có sự tăng trưởng tốt nhất trong 2Q2025, **tăng 11,6% ytd**.

(\*): VietinBank điều chỉnh cơ cấu tiền gửi các phân khúc để phù hợp với cơ cấu cho vay.





# Dư nợ cho vay tiếp tục tăng trưởng và cơ cấu tiếp tục chuyển dịch tích cực

## BÁN LẺ

# 751

Nghìn tỷ đồng

↑ + 10,6%

So với năm 2024

## SME

# 413

Nghìn tỷ đồng

↑ + 8,7%

So với năm 2024

## KHDN LỚN

# 584

Nghìn tỷ đồng

↑ + 9,2%

So với năm 2024

## FDI

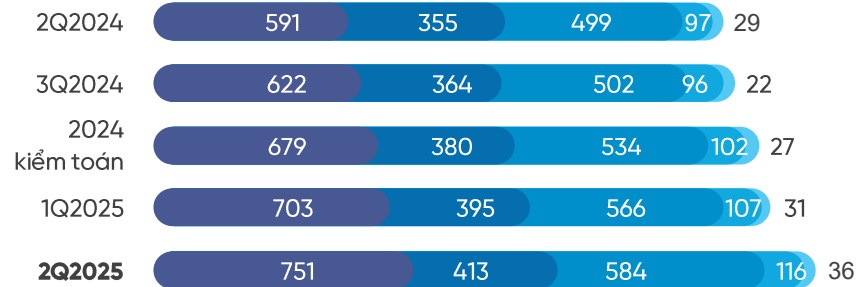
# 116

Nghìn tỷ đồng

↑ + 14,4%

So với năm 2024

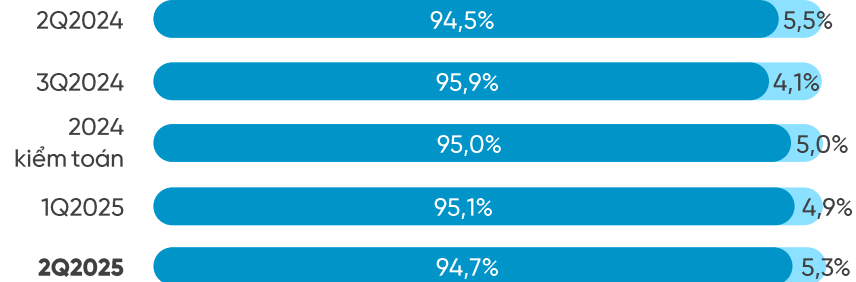
## CHO VAY THEO PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG (Nghìn tỷ đồng)



(\*): Số liệu sau điều chỉnh phân khúc định kỳ (1Q2024)

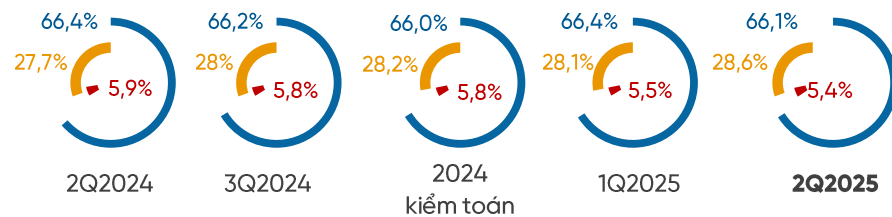
- Bán lẻ
- SME
- KHDN Lớn
- FDI
- Khác

## CHO VAY THEO ĐỒNG TIỀN



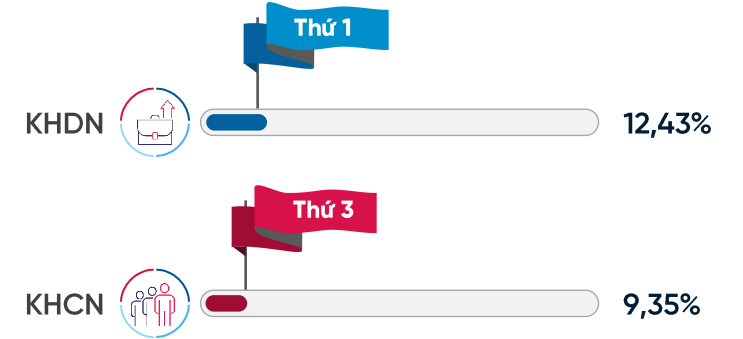
- Cho vay VNĐ
- Cho vay ngoại tệ

## CHO VAY THEO KỶ HẠN

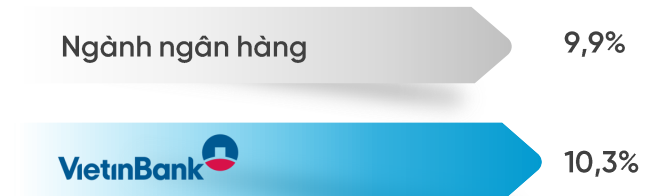


- Nợ ngắn hạn
- Nợ trung hạn
- Nợ dài hạn

## THỊ PHẦN CHO VAY



## TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG 6T2025



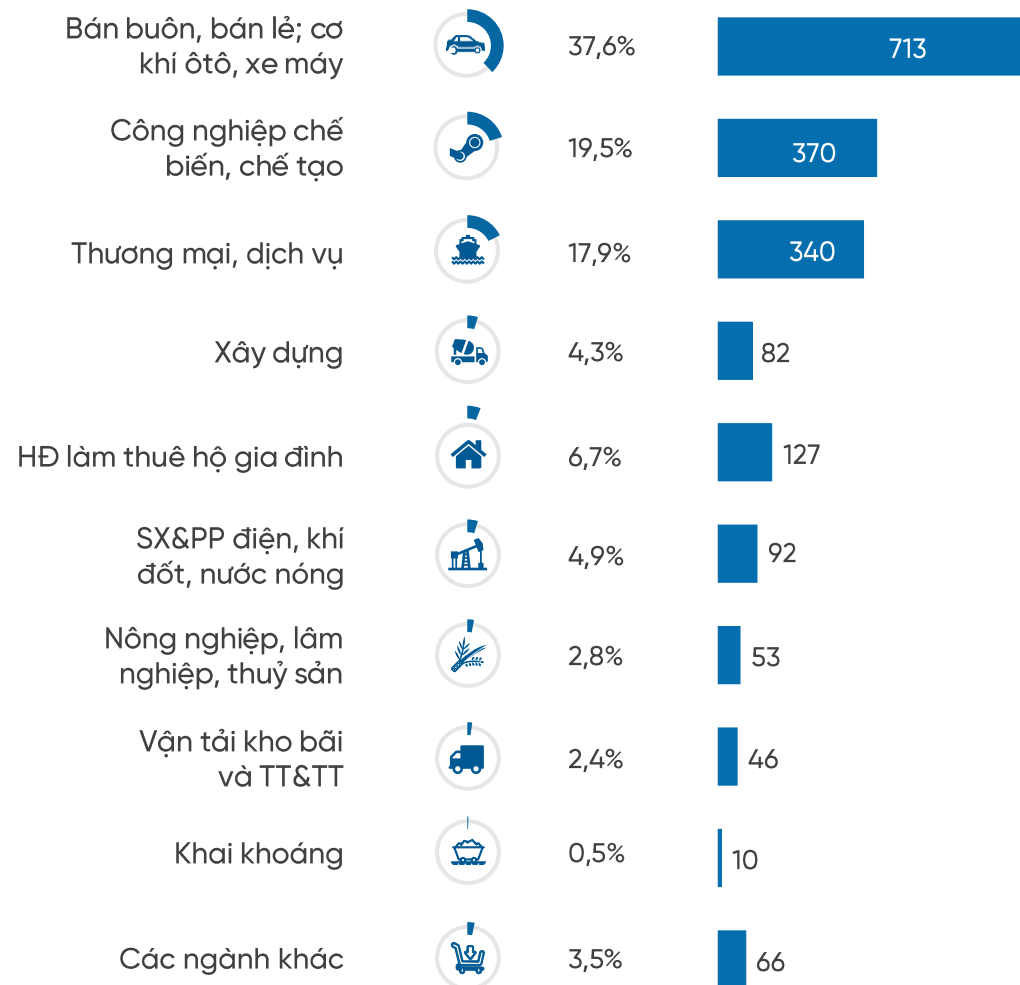
Dư nợ tín dụng tính đến 30/06/2025 **tăng 10,3% ytd**, cao hơn mức tăng trưởng tín dụng toàn ngành (9,9%), tăng trưởng đồng đều cả phân khúc KHDN và Bán lẻ; tăng trưởng vào các ngành nghề sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên theo đúng định hướng của Chính phủ, NHNN.



# Tăng trưởng dư nợ vào các ngành nghề, lĩnh vực theo định hướng

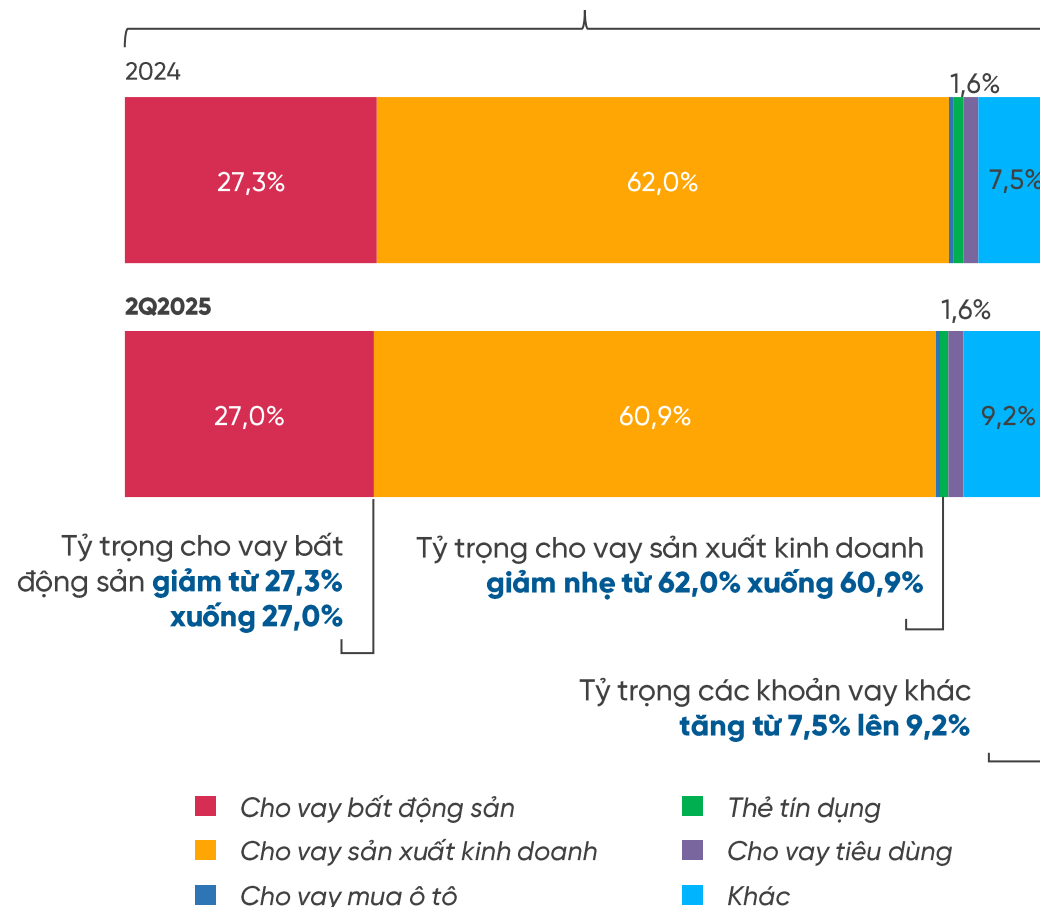
## ▶ CHO VAY THEO NGÀNH NGHỀ (30/06/2025)

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng



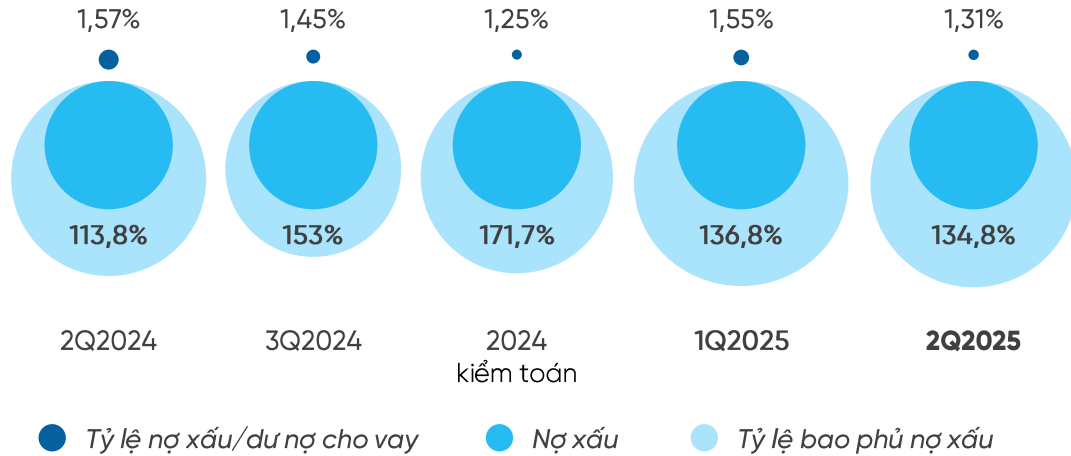
## ▶ CHO VAY CÁ NHÂN THEO SẢN PHẨM

Cho vay sản xuất kinh doanh và cho vay bất động sản tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cho vay cá nhân (gần 90%), các khoản vay khác có tốc độ tăng trưởng tốt.

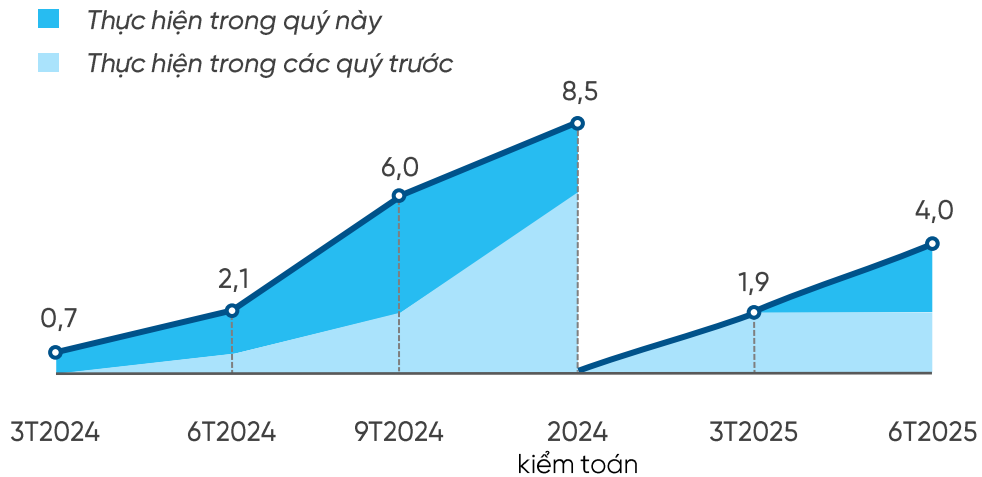


## Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng

### TỶ LỆ NỢ XẤU VÀ TỶ LỆ BAO PHỦ NỢ XẤU



### THU HỒI NỢ XẤU ĐÃ XỬ LÝ RỦI RO (Nghìn tỷ đồng)



- Tỷ lệ nợ xấu/du nợ cho vay cuối 2Q2025 ở mức **1,31%**, giảm so với cùng kỳ năm 2024 trong bối cảnh nền kinh tế vẫn đối mặt với nhiều thách thức. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu ở mức **134,8%**, cao hơn so với trung bình ngành.
- Thu hồi từ các khoản nợ đã XLRR 6T2025 đạt **hơn 4 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh 89,4%** so với cùng kỳ năm 2024.
- Trong năm 2025, VietinBank sẽ tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp nhận diện rủi ro, kiểm soát nợ xấu phát sinh, tăng cường thu hồi xử lý nợ và **kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 1,8%**.



Danh mục đầu tư tại thời điểm 30/06/2025 đạt **663,7 nghìn tỷ đồng (+10,5% ytd)**.

Trong đó:

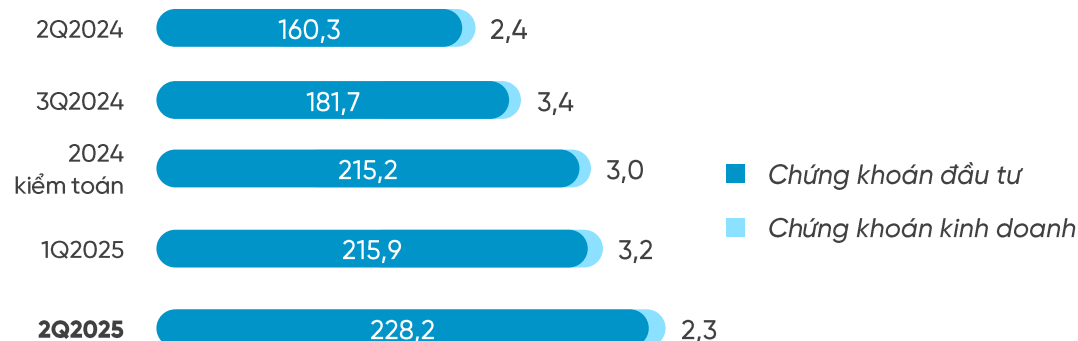
Danh mục Chứng khoán đầu tư đạt **228,2 nghìn tỷ đồng, tăng 6,1% ytd**.

Danh mục Chứng khoán kinh doanh đạt **2,3 nghìn tỷ đồng, giảm 22,2% ytd**.

## ▶ CƠ CẤU DANH MỤC ĐẦU TƯ TẠI 30/06/2025



## ▶ DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (Nghìn tỷ đồng)

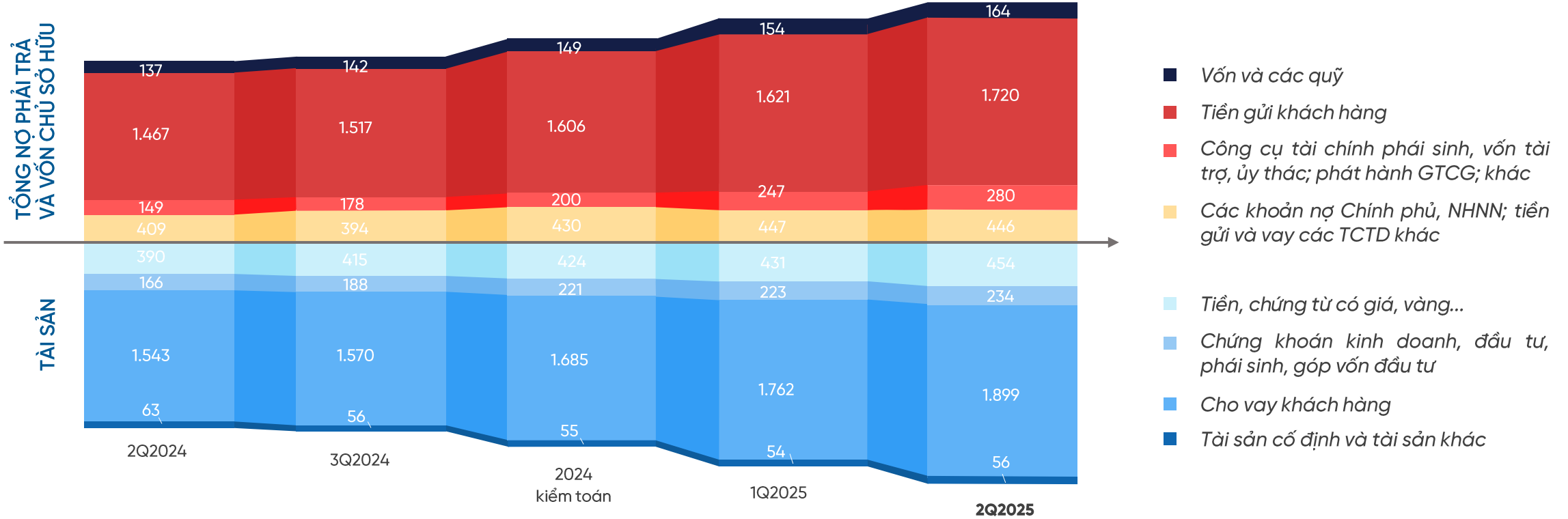


Ghi chú: Danh mục đầu tư không bao gồm dự phòng rủi ro.

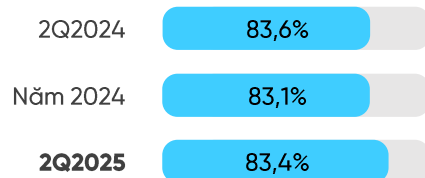


# Thanh khoản tiếp tục được kiểm soát tốt

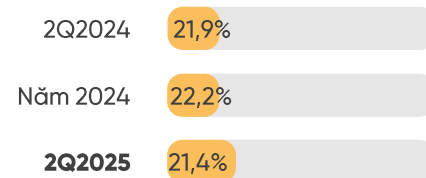
Đơn vị: Nghìn tỷ đồng



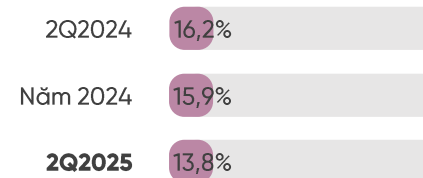
## TỶ LỆ LDR



## TỶ LỆ VỐN NGẮN HẠN CHO VAY TRUNG DÀI HẠN



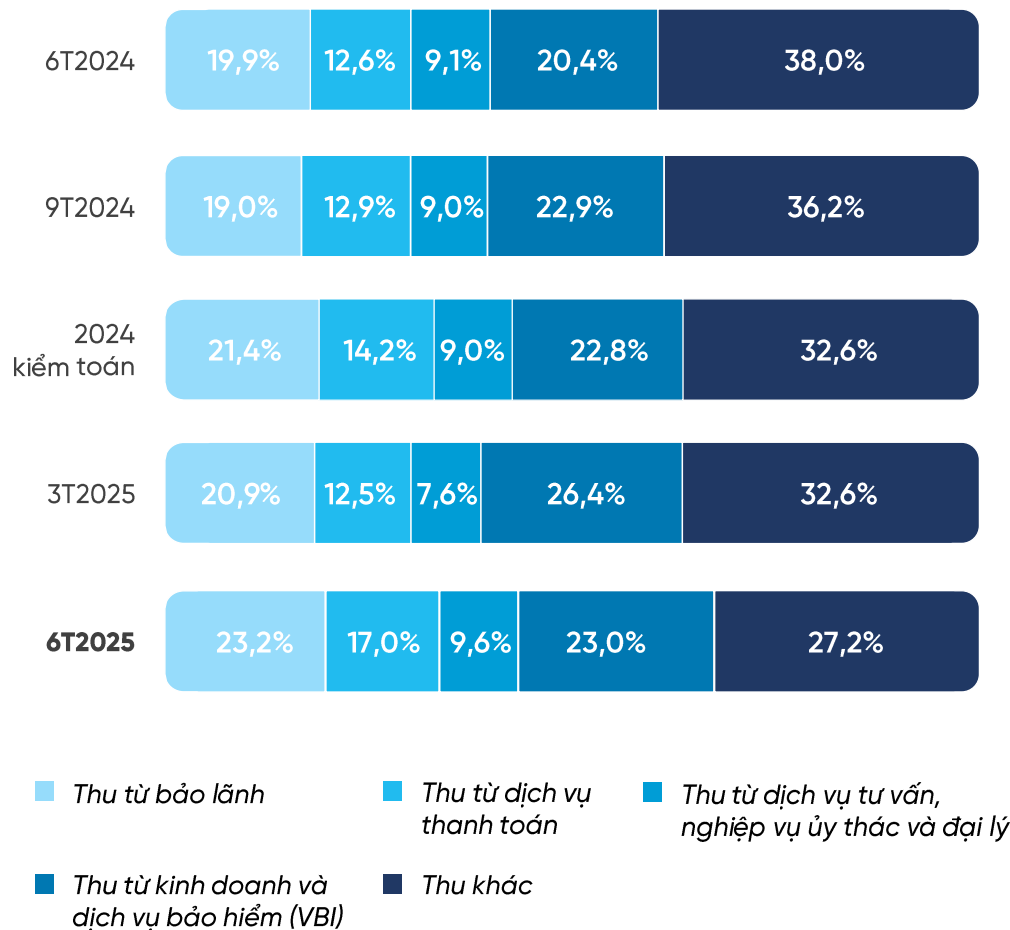
## TỶ LỆ DỰ TRỮ THANH KHOẢN



VietinBank luôn kiểm soát tốt các **tỷ lệ thanh khoản ở mức an toàn và tuân thủ theo các quy định của NHNN.**



## ▶ CƠ CẤU CÁC KHOẢN THU THUẦN PHÍ DỊCH VỤ



## ▶ THỊ PHẦN CỦA VIETINBANK TẠI MỘT SỐ MẢNG KINH DOANH



17,3%

Thanh toán XNK 2Q2025



10 – 11%

Kinh doanh ngoại tệ trên TT2 trong 2Q2025



12 – 14%

Kinh doanh ngoại tệ trên TT1 trong 2Q2025



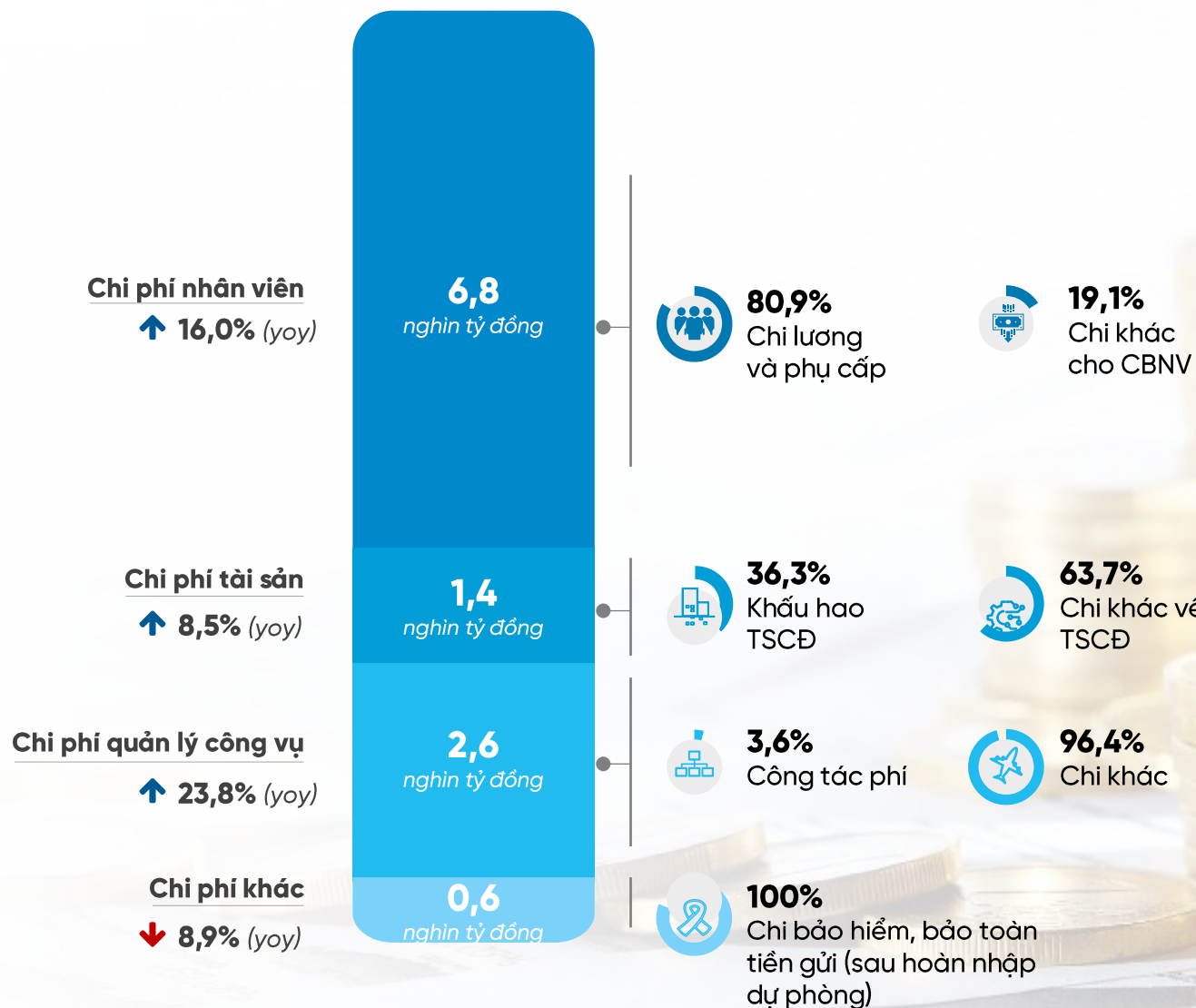
15%

Doanh số thanh toán thẻ 2Q2025

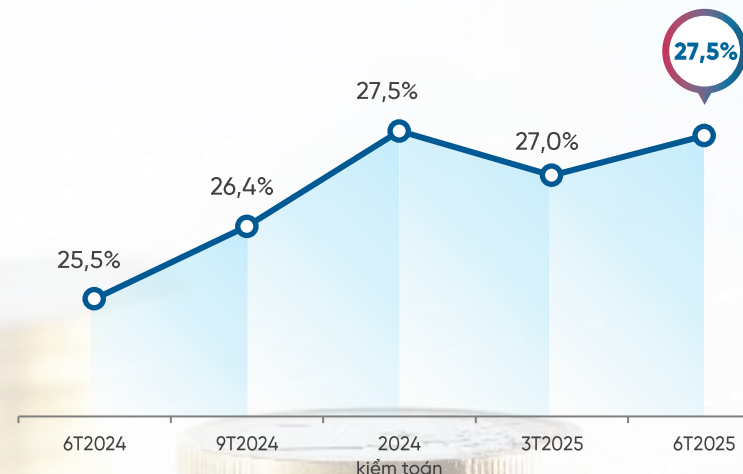
- Trong bối cảnh mặt bằng thu phí dịch vụ các ngân hàng có xu hướng giảm so với năm 2024, lãi thuần từ hoạt động dịch vụ của VietinBank (gồm thu phí bảo lãnh) trong 6T2025 đạt **gần 4 nghìn tỷ đồng (-13,3% yoy)**.
- Thu thuần từ hoạt động thanh toán trở thành điểm sáng trong 6T2025 khi **tăng +17% yoy**.

# Hiệu quả sử dụng chi phí hoạt động tiếp tục được nâng cao

## CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG



## TỶ LỆ CIR LŨY KẾ

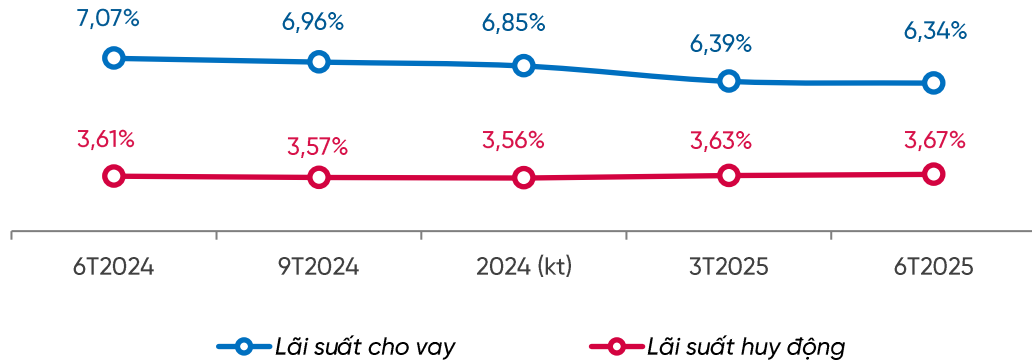


Hiệu quả sử dụng chi phí hoạt động tiếp tục được tối ưu, **tỷ lệ CIR của VietinBank 6T2025 đạt 27,5%**, tương đương mức cuối năm 2024. VietinBank tiếp tục ưu tiên sử dụng chi phí hỗ trợ trực tiếp cho các hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số, nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng nhân sự để tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của ngân hàng.



# Hiệu quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng bền vững

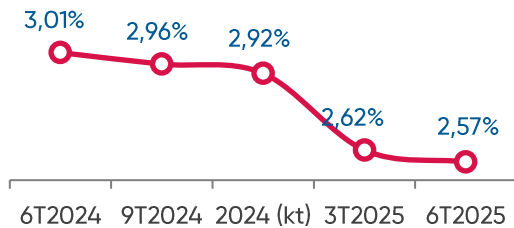
## ▶ LÃI SUẤT CHO VAY VÀ HUY ĐỘNG



LSHĐ duy trì mặt bằng thấp, có áp lực tăng nhẹ đối với một số ngân hàng cạnh tranh thanh khoản giai đoạn cuối quý.

LSCV vẫn duy trì ở mức thấp, thực hiện chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

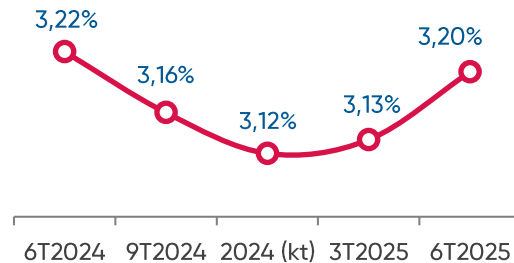
## ▶ NIM



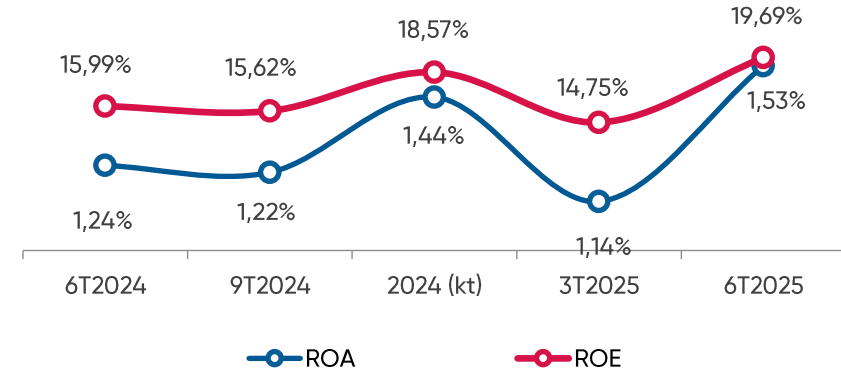
NIM của VietinBank 6T2025 đạt **2,57%**, giảm so với cùng kỳ và cuối năm 2024.

Tỷ lệ COF 6T2025 là **3,2%**, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2024.

## ▶ COF



## ▶ ROA, ROE



ROA, ROE của VietinBank 6T2025 được cải thiện tích cực, lần lượt đạt **1,53% và 19,69%**.

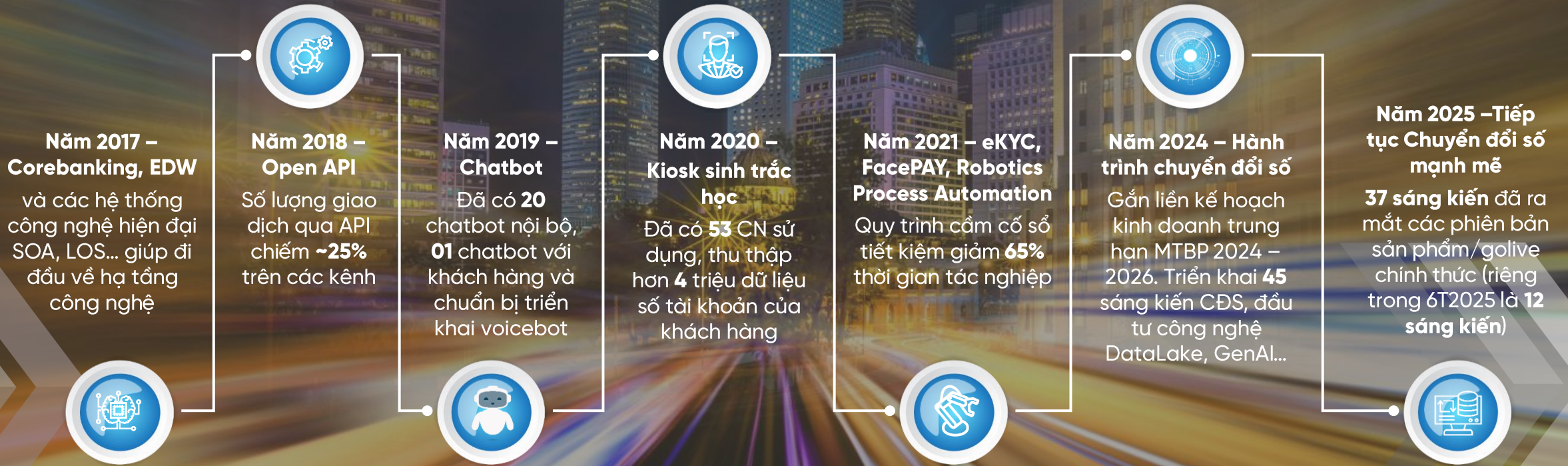
## ▶ CÁC BIỆN PHÁP CẢI THIỆN NIM

- Tăng hiệu suất sinh lời của tài sản:** ưu tiên nguồn lực, tập trung cho vay đối với tập khách hàng mang lại hiệu quả cao là SME, Bán lẻ, đẩy mạnh tăng trưởng cho vay tiêu dùng, cho vay SXKD.
- Kiểm soát chi phí vốn** thông qua công tác thu hút, gia tăng tỷ trọng tiền gửi thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn ngắn ngày, tiền gửi ngoại tệ.





## Công nghệ và một số dấu mốc qua các năm







# Đẩy mạnh các giải pháp phát triển phân khúc bán lẻ, nâng cao cạnh tranh, thị phần



Hơn **150** tính năng, tiện ích được tích hợp trong VietinBank iPay, giúp người dùng tận hưởng cuộc sống trọn vẹn, tối ưu nhất theo tiêu chí "All in one"



Hơn **2.400** nhà cung cấp đã kết nối, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng "Vạn tính năng, trăm tiện ích".



Tỷ trọng giao dịch qua iPay so với tổng giao dịch khách hàng bán lẻ



Năm 2024



2Q2025



## SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG SỬ DỤNG iPAY

Đơn vị: Triệu khách hàng

2024 9,0

↑ 5,3%

So với cuối năm 2024

2Q2025 9,5



## SỐ LƯỢNG GIAO DỊCH QUA KÊNH iPAY

Đơn vị: Triệu giao dịch

6T2024 868

↑ 41,4%

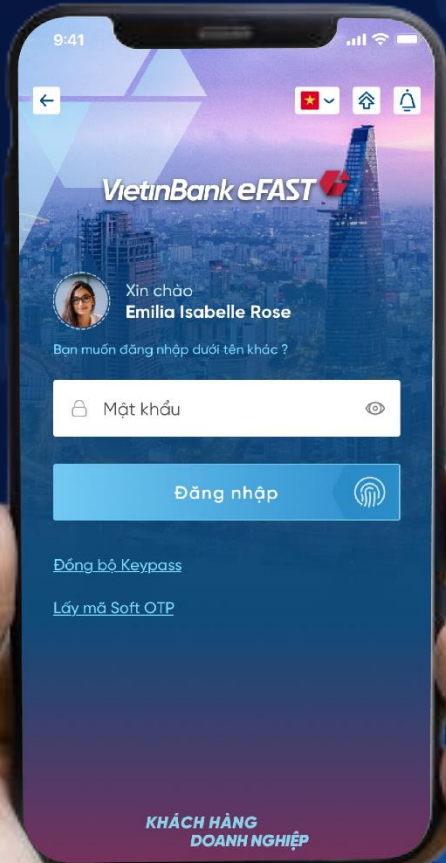
So với cùng kỳ năm 2024

6T2025 1.228





Đẩy mạnh các giải pháp phát triển phân khúc KHDN, nâng cao cạnh tranh, thị phần



### SỐ LƯỢNG KH TỔ CHỨC SỬ DỤNG eFAST

Đơn vị: Nghìn khách hàng

Năm 2024 266

2Q2025 284

↑ 6,9%

So với cuối năm 2024



### GIÁ TRỊ GIAO DỊCH QUA KÊNH eFAST

Đơn vị: Triệu tỷ đồng

2Q2024 3,3

2Q2025 4,5

↑ 39,6%

So với cùng kỳ năm 2024



### SỐ LƯỢNG GIAO DỊCH QUA KÊNH eFAST

Đơn vị: Triệu giao dịch

2Q2024 19,0

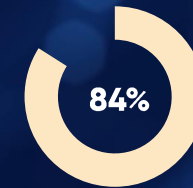
2Q2025 28,6

↑ 50,1%

So với cùng kỳ năm 2024



### TỶ LỆ GIAO DỊCH QUA KÊNH SỐ CỦA KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC



Năm 2024



2Q2025





## ▶ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÃ TRIỂN KHAI

- Đàm phán thống nhất Thỏa thuận hợp tác với **06 đối tác** dự kiến tham gia triển khai thí điểm sản phẩm cho vay liên kết bền vững;
- Phối hợp MUFG tổ chức sự kiện **MUFG NOW**;
- Xây dựng **Báo cáo phát triển bền vững năm 2024** độc lập, tham chiếu tiêu chuẩn GRI;
- Tổ chức lễ Khởi động Dự án ngân hàng xanh của ADB và triển khai công việc theo kế hoạch.



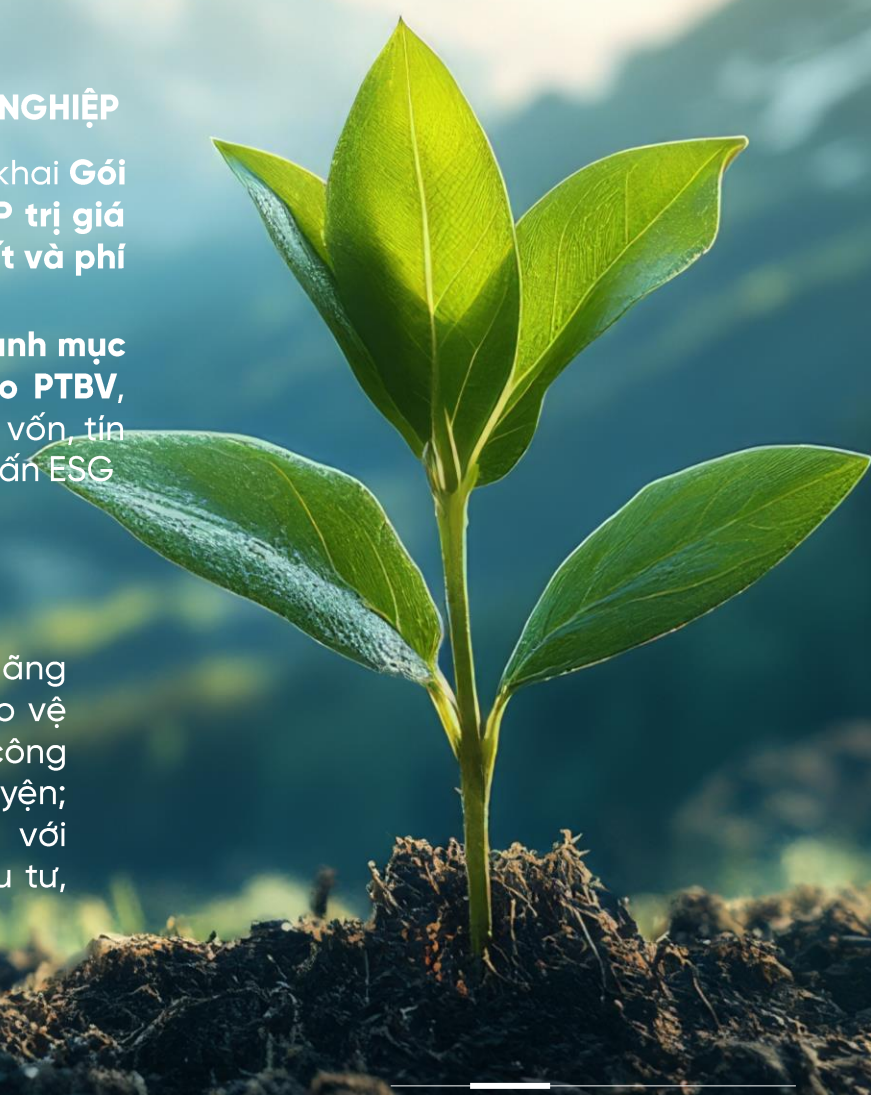
## ▶ SÁT CÁNH CÙNG DOANH NGHIỆP

- VietinBank tiếp tục triển khai **Gói tài chính xanh GREEN UP** trị giá **5.000 tỷ đồng** với **lãi suất và phí ưu đãi**;
- **Tiên phong phát triển danh mục sản phẩm toàn diện cho PTBV**, từ các lĩnh vực huy động vốn, tín dụng xanh... cho đến tư vấn ESG



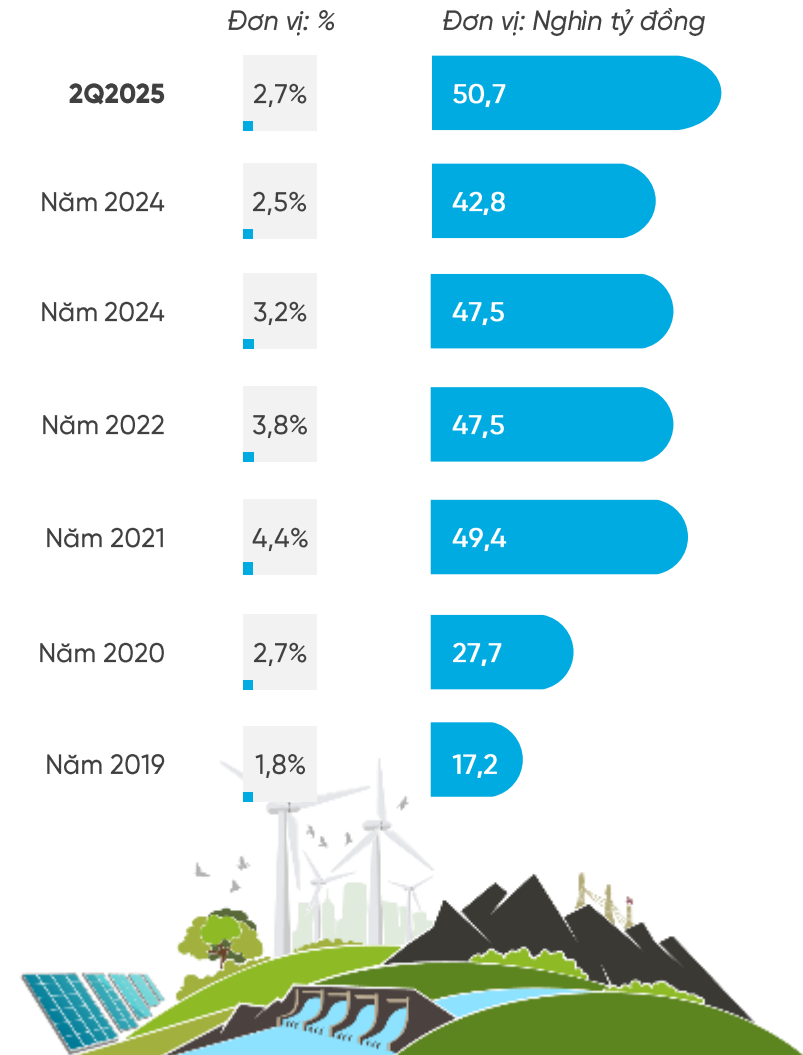
## ▶ THỰC HÀNH ESG

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường; tiên phong trong công tác an sinh xã hội, thiện nguyện; thực hiện trách nhiệm đối với khách hàng, cổ đông, nhà đầu tư, người lao động...

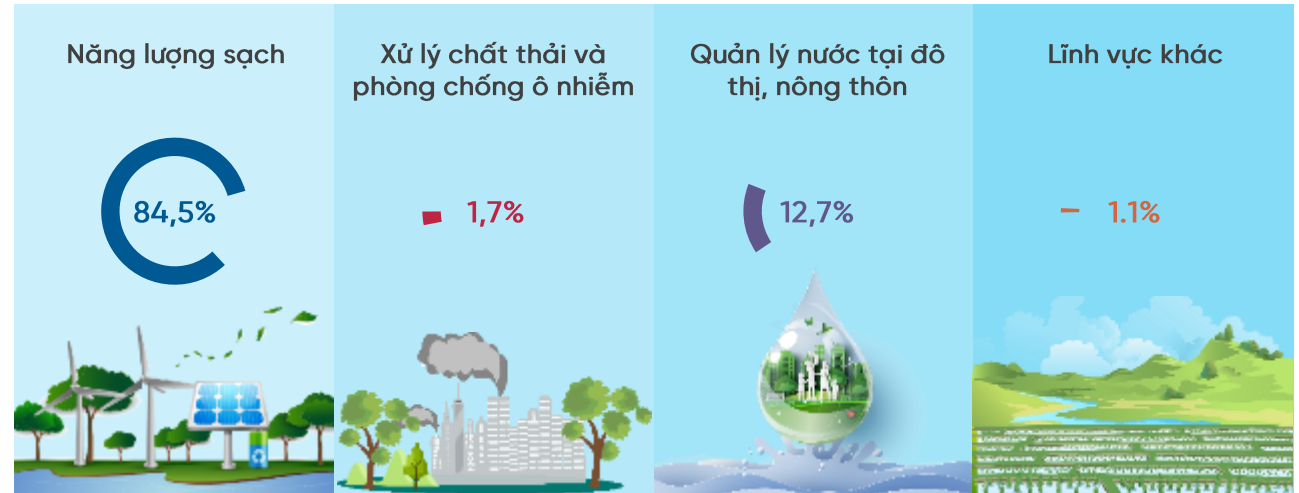




▶ TÍN DỤNG TÀI TRỢ DỰ ÁN XANH QUA CÁC NĂM



▶ CƠ CẤU TÍN DỤNG TÀI TRỢ DỰ ÁN XANH TẠI 2Q2025



- Tỷ trọng tài trợ dự án xanh của VietinBank cuối 2Q2025 đạt 50,7 nghìn tỷ đồng, **tăng 18,5% qoq và tăng 6,7% ytd, chiếm gần 2,7% tổng dư nợ tín dụng tại 2Q2025.**
- Hơn 700 khách hàng** đang phát sinh dư nợ tín dụng trong các lĩnh vực phát triển bền vững.
- VietinBank là doanh nghiệp niêm yết **5 năm** liên tiếp lọt vào rổ Chỉ số Phát triển bền vững (VNSI), **3 năm** là Top 10 doanh nghiệp bền vững (CSI), hoàn thành Khung Tài chính Bền vững theo thông lệ quốc tế.





### CHỈ TIÊU QUY MÔ

VietinBank tiếp tục duy trì tăng trưởng tổng tài sản đạt **9,4% ytd**.

Dư nợ cho vay đạt **1.899** nghìn tỷ đồng, **tăng 10,3% ytd**, cao hơn mức tăng trưởng tín dụng toàn ngành, tăng trưởng đồng đều cả phân khúc KHDN và Bán lẻ.

Tiền gửi khách hàng đạt **1.720** nghìn tỷ đồng, **tăng 7,1% ytd**.



### CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ

Tổng thu nhập hoạt động 6T2025 đạt **41,4 nghìn tỷ đồng (+6,9% yoy)**, **cao nhất ngành ngân hàng**

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí DPRRTD 6T2025 đạt **30** nghìn tỷ đồng, **tăng 4,1% yoy**, **cao nhất ngành ngân hàng**.

Hiệu quả sử dụng chi phí hoạt động tiếp tục được nâng cao, tỷ lệ CIR của VietinBank 6T2025 đạt **27,5%**, tương đương năm 2024.



### CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG

Trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới đối mặt với nhiều thách thức, chính sách thuế quan mới của Mỹ, chiến tranh thương mại từ các nền kinh tế... đã ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của các ngân hàng. Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ cho vay 2Q2025 ở **mức 1,31%**, tăng nhẹ so với cuối năm 2024, nhưng đã giảm so với 1Q2025.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu ở mức **134,8%** cao hơn mức trung bình ngành.

Thu hồi từ các khoản nợ đã XLRR 6T2025 đạt **hơn 4 nghìn tỷ đồng**, **tăng mạnh 89,4% yoy**.



## *Mục lục*

- 01** NHỮNG CHỈ TIÊU NỔI BẬT TRONG QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
- 02** CHI TIẾT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
- 03** CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG
- 04** KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025
- 05** PHỤ LỤC

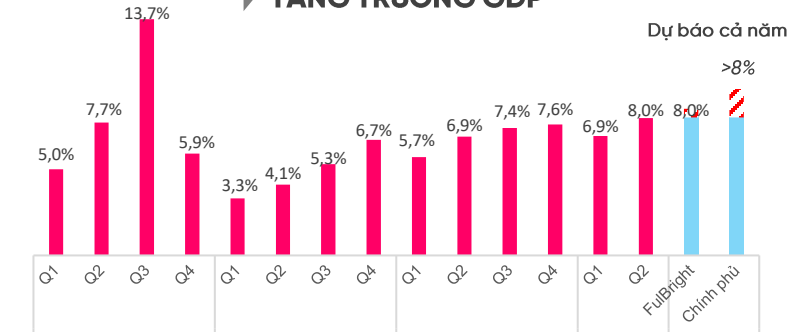




# Kinh tế Việt Nam 2Q2025 tăng trưởng khởi sắc, nằm trong nhóm các nền kinh tế tăng trưởng cao trên thế giới với động lực chính đến từ xuất nhập khẩu và đầu tư. Lạm phát được kiểm soát tốt



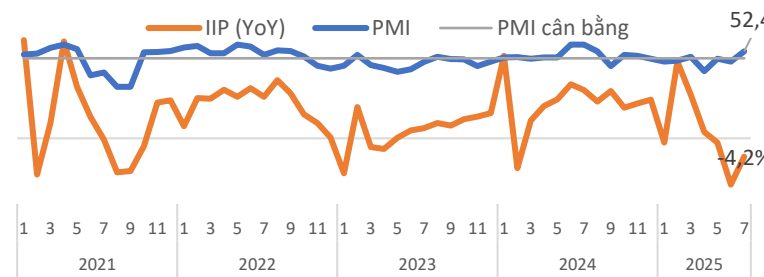
## TĂNG TRƯỞNG GDP



GDP cuối 2Q2025 **tăng 7,96% yoy**, cao vượt dự đoán, đóng góp chính đến từ công nghiệp và xây dựng (+8,97%, đóng góp 43,63% điểm tăng trưởng); dịch vụ (+8,46%, đóng góp 51,18% điểm tăng trưởng). Dự báo GDP cả năm 2025 có thể đạt vượt **8%** với động lực đến từ đầu tư công và sự phục hồi trong đầu tư tư nhân và tiêu dùng nội địa

BL HHDV tổng thể 6 tháng đầu năm 2025 **tăng 9,3% yoy**. Tuy nhiên đà hồi phục của lĩnh vực bán lẻ cần theo dõi thêm do tốc độ tăng trưởng có xu hướng đi ngang. Để đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP, BL HHDV **cần tăng trưởng 12% trong 2 quý cuối năm**. Khách du lịch quốc tế 6T2025 tăng trưởng tốt, đạt **10,7 triệu lượt** (+20,7% yoy)

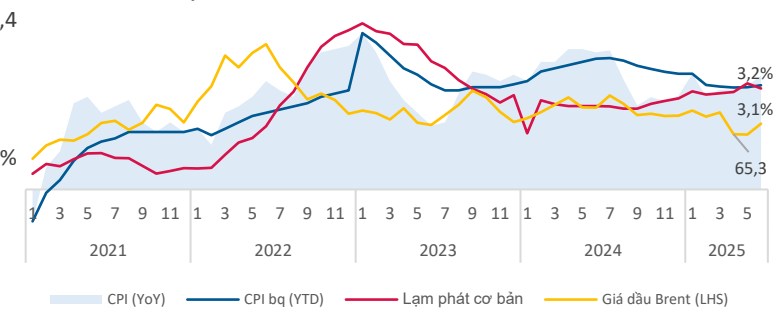
## CHỈ SỐ PMI VÀ IIP



Chỉ số PMI sản xuất tháng 6/2024 giảm xuống ngưỡng **48,9 điểm** (tuy nhiên tháng 7 lên mức **52,4**). IIP 6 tháng 2025 +9,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ +8,0%). **Động lực chính đến từ công nghiệp chế biến chế tạo ~+ 11,1%. Hướng tới mục tiêu tăng trưởng 2 con số, IIP cần duy trì mức tăng trưởng.**

Cán cân thương mại 6T2025 xuất siêu **7,63 tỷ USD** (thấp hơn sv cùng kỳ **12,15 tỷ USD**). Trong đó XK (+14,4%, **219,53 tỷ USD yoy**), NK (+17,9%, **212,2 tỷ USD yoy**), chủ yếu ở mảng máy tính, SP điện tử từ các doanh nghiệp FDI, may mặc (giày dép, hàng dệt may). XK 6 tháng cuối năm sẽ chậm lại do cầu thế giới giảm và tác động của front-loading trong 6T2025.

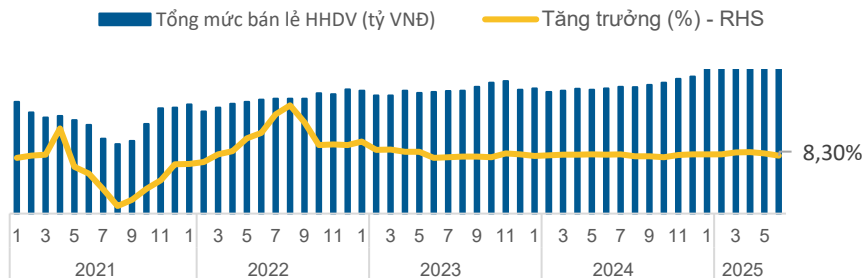
## CPI VIỆT NAM VÀ GIÁ DẦU THẾ GIỚI



Bình quân 6T2025 **+3,27% yoy - nằm trong mục tiêu Chính phủ đề ra**, lạm phát cơ bản tháng 6/2025 **+3,2%**. Tuy nhiên còn nhiều yếu tố biến động có thể tác động lên lạm phát năm sau (chính sách thuế quan, áp lực tỷ giá ảnh hưởng đến chi phí nhập khẩu, chi phí vận chuyển...)

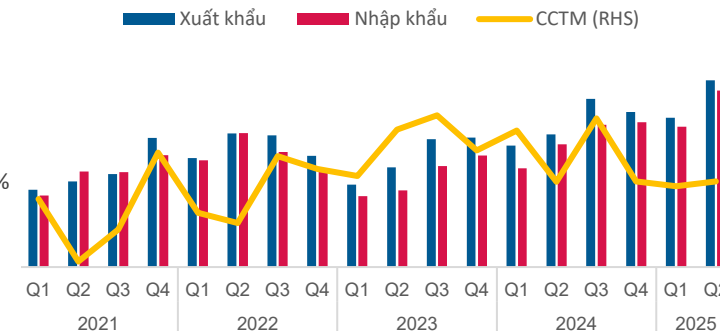
FDI đăng ký 6T2025 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, vượt các thách thức và khó khăn, đạt **21,52 tỷ USD** (+32,6% yoy). FDI thực hiện đạt **11,72 tỷ USD** (+8,1% yoy) và phần lớn giải ngân vào lĩnh vực chế biến chế tạo. Đầu tư công 6T2025 đạt **268,1 nghìn tỷ đồng**, ~ 32,5% kế hoạch thủ tướng chính phủ, cao hơn so với cùng kỳ). Vốn đầu tư tư nhân 6T2025 đạt **858,9 nghìn tỷ đồng**, tăng 7,4% yoy.

## BÁN LẺ HÀNG HÓA DỊCH VỤ

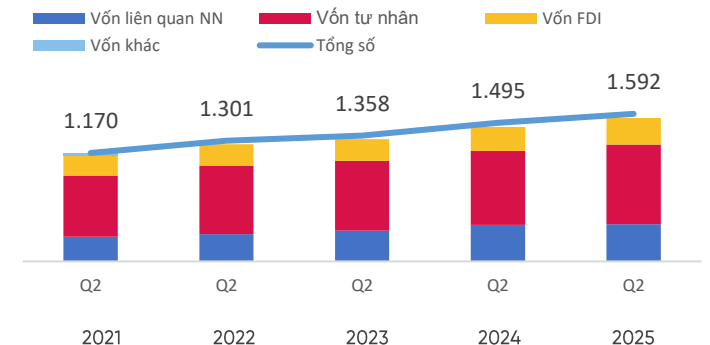


Nguồn: Tổng cục thống kê, Bộ KHĐT, Worldbank, Fulbright, EIU, Bộ Công thương

## XUẤT NHẬP KHẨU VÀ CCTM



## VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN

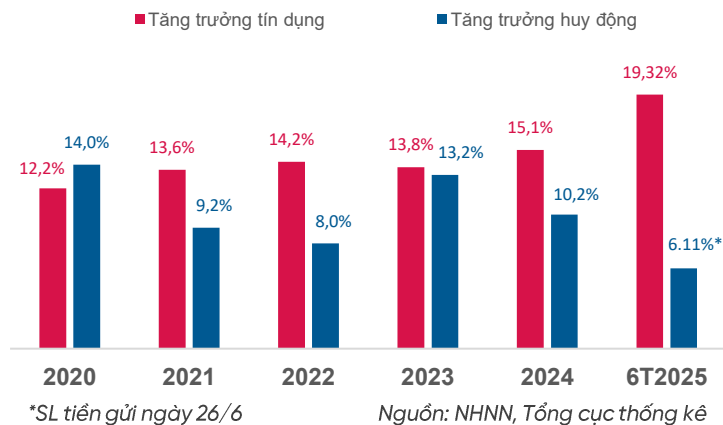




# Tín dụng 6T2025 tăng trưởng cao nhất từ năm 2023, đáp ứng vốn cho nền kinh tế, hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất duy trì ở mức thấp, tỷ giá biến động tăng trong phạm vi kiểm soát, linh hoạt điều chỉnh trước các cú sốc bên ngoài.



## ▶ TÍN DỤNG VÀ NGUỒN VỐN



Tín dụng 6T2025 tăng trưởng **19,32% yoy** và **9,9% ytd**, là mức tăng trưởng tín dụng cao nhất kể từ năm 2023, hỗ trợ tích cực tăng trưởng kinh tế theo chỉ đạo của Chính phủ. Động lực tăng trưởng tín dụng đến từ phân khúc khách hàng doanh nghiệp, tập trung vào các lĩnh vực công nghiệp, vận tải.

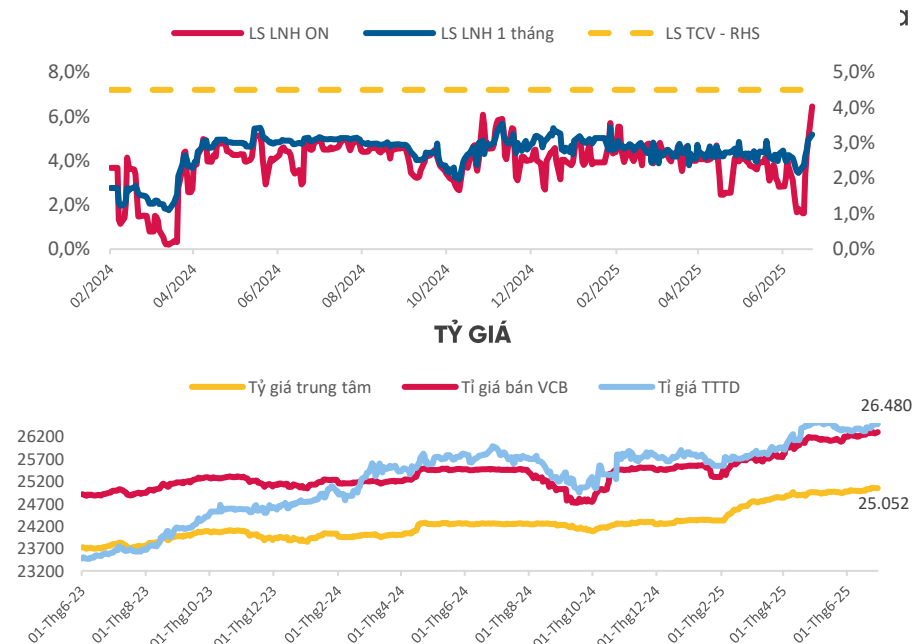
Huy động thị trường tính đến ngày 26/6/2025 tăng trưởng **6,11% yoy** tập trung tăng ở các NHTMCP nhà nước. Nguồn vốn khách hàng cá nhân tăng trưởng dương qua các tháng, nguồn vốn khách hàng tổ chức tăng trưởng mạnh trong những tháng cuối quý.

## ▶ DIỄN BIẾN LÃI SUẤT, TỶ GIÁ

Kinh tế thế giới 6T2025 tăng trưởng chậm và nhiều rủi ro tiềm ẩn với nhiều biến động phức tạp. Các tổ chức đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu. NHTW Mỹ Fed tiếp tục duy trì mức lãi suất USD 4,25-4,5% và có khả năng hạ lãi suất 2 lần từ nay đến cuối năm.

Lãi suất liên ngân hàng duy trì mức thấp, biến động tăng nhẹ vào 30/6/2025 do nhu cầu thanh khoản đột biến thời điểm giữa năm. NHNN linh hoạt sử dụng nghiệp vụ OMO, tin phiếu nhằm hỗ trợ nhu cầu thanh khoản thị trường. Lãi suất huy động thị trường 1 duy trì ở mức thấp, lãi suất tiền gửi bình quân phát sinh mới ở mức 4,18%, lãi suất cho vay bình quân đối với các giao dịch phát sinh mới ở mức 6,85% (giảm 0,08% so với cuối năm).

Tỷ giá USD trong nước có xu hướng tăng mặc dù DXY điều chỉnh giảm cho thấy áp lực tỷ giá trong nước do tâm lý thận trọng



## ▶ XU HƯỚNG VÀ NHẬN ĐỊNH

Tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống có thể đạt **trên 16%**. Tín dụng sẽ tiếp tục được hướng tới các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên (chương trình người trẻ mua, thuê nhà ở xã hội, doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số...) và các động lực tăng trưởng theo chủ trương của Chính phủ.

Tỷ giá năm 2025 có thể chịu áp lực từ căng thẳng thương mại giữa Mỹ và các đối tác lớn, nguy cơ lạm phát trở lại khiến Fed trì hoãn giảm lãi suất củng cố sức mạnh đồng USD.

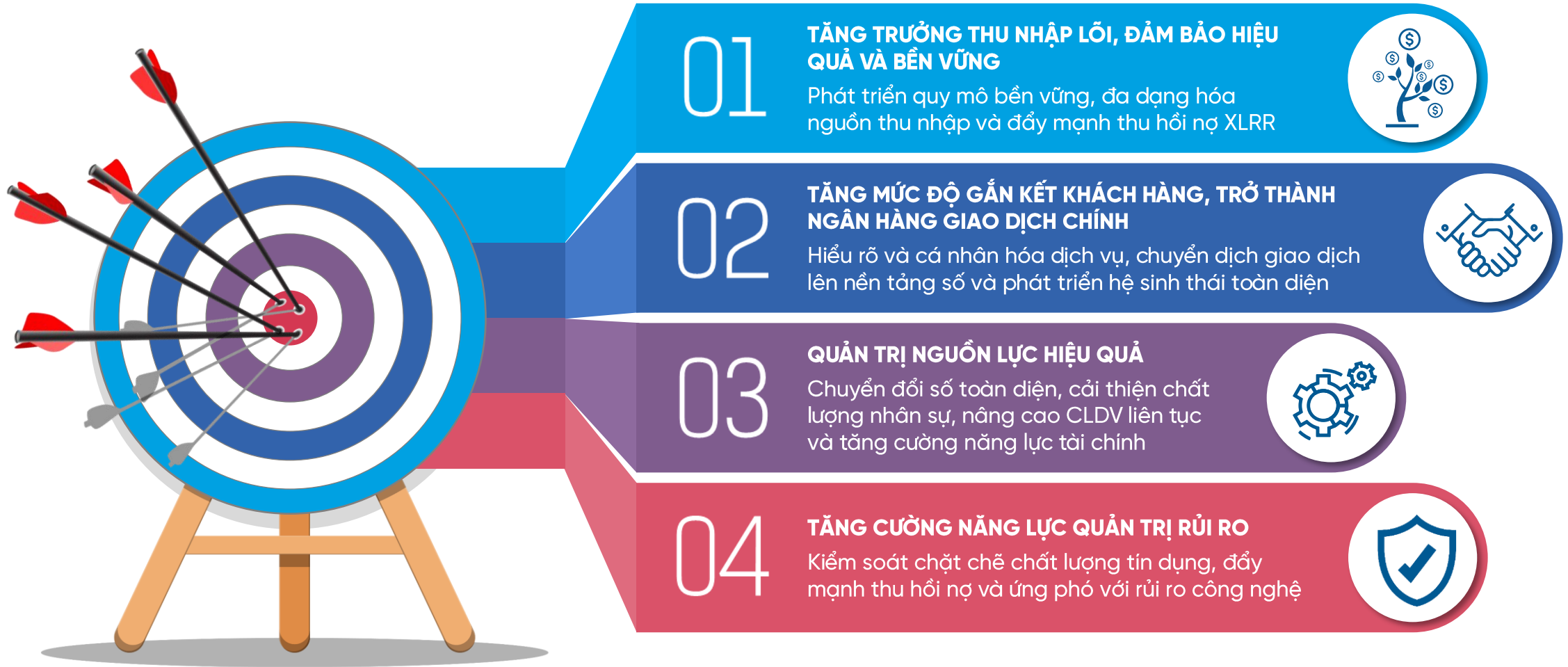
Lãi suất huy động có áp lực tăng do nhu cầu huy động vốn lớn nhằm hỗ trợ sản xuất kinh doanh và đầu tư công, cùng áp lực tỷ giá trong nước. Lãi suất cho vay tiếp tục duy trì ở mức thấp hỗ trợ nền kinh tế. NIM các ngân hàng có thể tiếp tục xu hướng giảm.

Xuất khẩu có thể được hưởng lợi nhờ sự chuyển dịch chuỗi cung ứng và hàng hóa dưới chính sách Trump 2.0. Tuy nhiên, Mỹ có thể áp dụng các quy tắc xuất xứ chặt chẽ hơn hướng tới hàng Trung Quốc dịch chuyển sang Việt Nam để xuất khẩu.



## *Mục lục*

- 01** NHỮNG CHỈ TIÊU NỔI BẬT TRONG QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
- 02** CHI TIẾT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
- 03** CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG
- 04** KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025
- 05** PHỤ LỤC














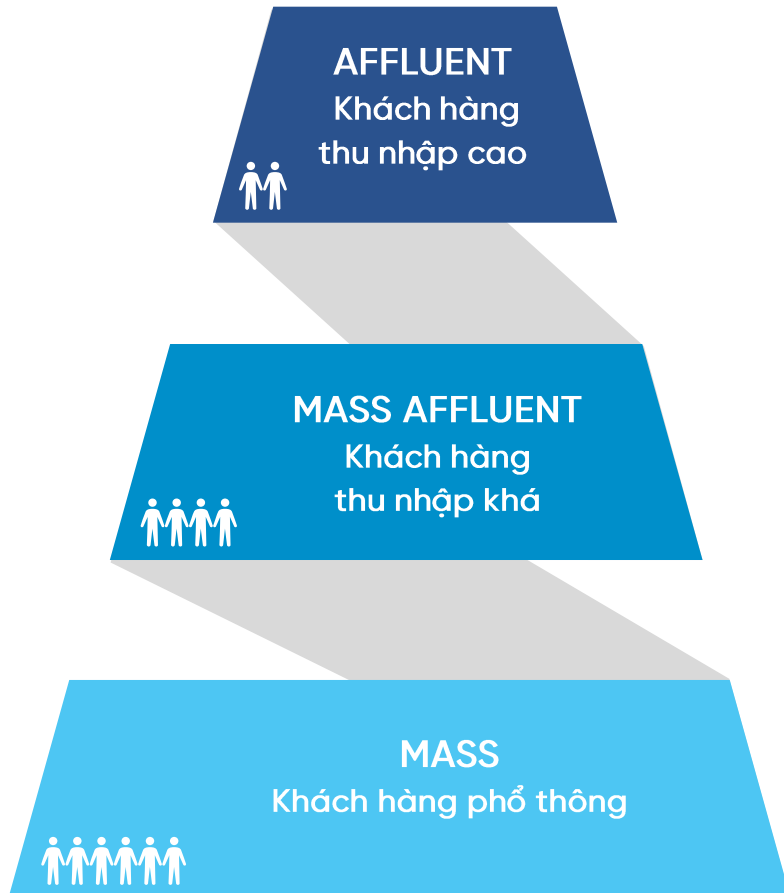
## Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2025



CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH
 Tổng tài sản	↑ 8-10%/năm
 Dư nợ tín dụng	Thực hiện theo hạn mức phê duyệt của NHNN
 Nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư	Tăng trưởng phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng
 Tỷ lệ nợ xấu	<1,8%/năm
 Lợi nhuận trước thuế riêng lẻ	Theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền
 Cổ tức	Theo phê duyệt của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền
 Các tỷ lệ an toàn	Tuân thủ quy định của NHNN



▶ **PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG BÁN LẺ**



▶ **ĐỊNH HƯỚNG TĂNG TRƯỞNG PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG BÁN LẺ**

AFFLUENT	MASS AFFLUENT	MASS
----------	---------------	------

Phân khúc khách hàng giàu có (Affluent) và thu nhập khá (Mass Affluent) là trọng tâm mang lại hiệu quả cao:

- 📍 Tăng cường quan hệ và giữ chân khách hàng tốt thông qua cải thiện mô hình bán hàng và dịch vụ.
- 📍 Khai thác và gia tăng thêm hiệu quả hoạt động trên tệp khách hàng ưu tiên hiện hữu (tiền gửi, sản phẩm phi).

Phát triển, khai thác khách hàng Mass theo tệp số lớn và thông qua kênh số để tăng trưởng CASA:

- 📍 Tìm kiếm khách hàng mới theo tệp số lớn thông qua đối tác/hệ sinh thái/công ty con.
- 📍 Chuyển dịch kênh: phát triển khách hàng trên kênh số, tăng cường số hóa sản phẩm, tự động hóa quy trình; tạo trải nghiệm tốt nhất khách hàng trên kênh số.

**Gia tăng hiệu quả, tăng tỷ lệ thâm nhập sản phẩm trên mỗi khách hàng:**

- 📍 Tăng trưởng tín dụng có chọn lọc và cải thiện hiệu quả hoạt động tín dụng.
- 📍 Tăng trưởng phí thông qua bán thêm, bán chéo tập trung vào sản phẩm thẻ, bảo hiểm, kinh doanh ngoại tệ.
- 📍 Tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng CASA.



## *Mục lục*

- 01** NHỮNG CHỈ TIÊU NỔI BẬT TRONG QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
- 02** CHI TIẾT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ II VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025
- 03** CẬP NHẬT KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH NGÂN HÀNG
- 04** KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025
- 05** PHỤ LỤC



## CHỈ TIÊU



## GIÁ TRỊ



Giá phiên giao dịch đầu năm 2025 (02/01/2025) 38.100 đồng/cp

Giá phiên giao dịch cuối quý 2/2025 (30/06/2025) 41.900 đồng/cp

Biến động giá trong 6T2025 +3.800 đồng (+9,97%)

Khối lượng giao dịch trong 6T2025 921.451.657 cp

Giá trị giao dịch trong 6T2025 36.165 tỷ đồng

Khối lượng giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài trong 6T2025 Mua ròng 1.100.814 cp

Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (30/06/2025) 27,1%

EPS quý (30/06/2025) 1.801 đồng/cp

P/E quý (30/06/2025) 23,27x

BVPS (30/06/2025) 30.508 đồng/cp

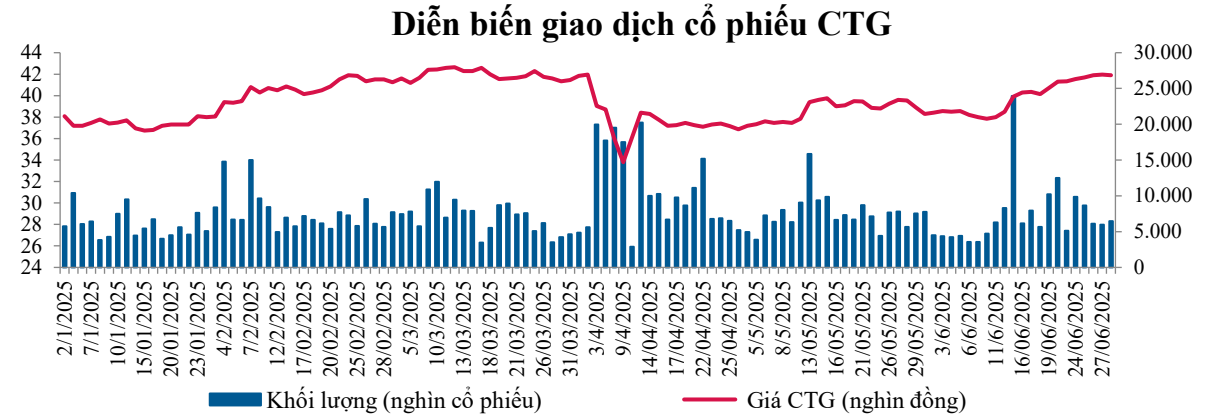
P/B (30/06/2025) 1,37x



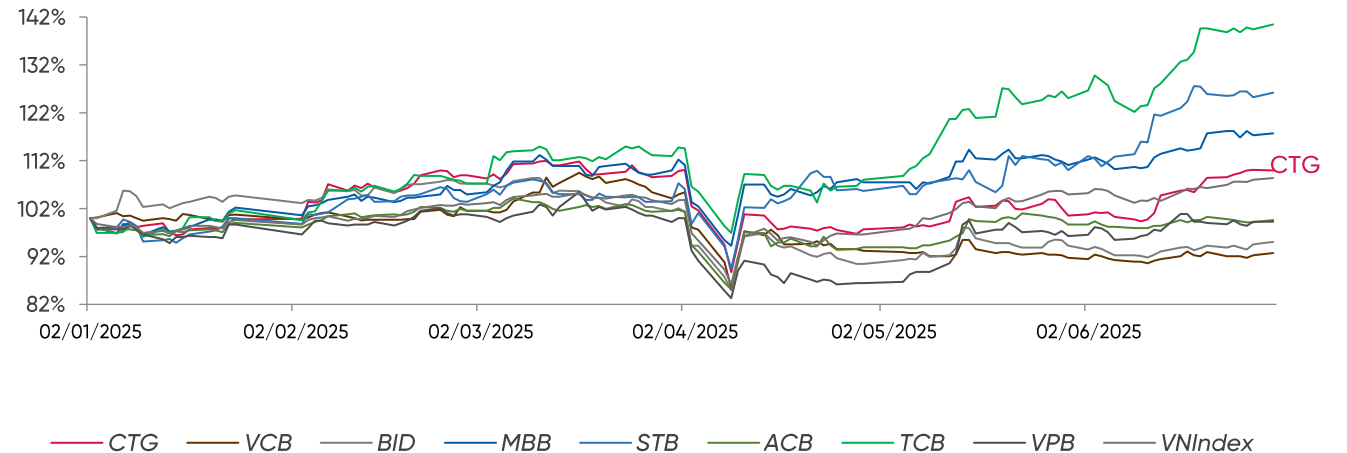
## Diễn biến giao dịch cổ phiếu CTG



### DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CTG



### TĂNG TRƯỞNG CỦA VN-INDEX VÀ CÁC CỔ PHIẾU NGÂN HÀNG



## Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2022 trình bày lại	2023 kiểm toán	2024 kiểm toán	1Q2025	2Q2025	2Q2025 vs. 1Q2025	2Q2025 vs. 2024
<b>TÀI SẢN</b>							
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	11.067	9.760	11.148	11.518	11.463	-0,5%	2,8%
Tiền gửi tại NHNN	29.727	40.597	34.432	13.043	13.692	5,0%	-60,2%
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	242.432	279.842	378.483	406.579	428.879	5,5%	13,3%
Chứng khoán kinh doanh	1.406	2.488	2.799	3.067	2.209	-28,0%	-21,1%
Công cụ TC phái sinh và các tài sản tài chính khác	3.059	0	-	-	-		
Cho vay khách hàng	1.274.844	1.473.345	1.721.955	1.800.459	1.899.352	5,5%	10,3%
DPRR cho vay khách hàng	(29.413)	(27.773)	(36.664)	(38.269)	(33.437)	-12,6%	-8,8%
Chứng khoán đầu tư	180.313	181.211	214.607	215.370	227.709	5,7%	6,1%
Góp vốn, đầu tư dài hạn	3.519	3.426	3.934	4.071	4.231	3,9%	7,6%
Tài sản cố định	10.203	10.126	10.002	9.801	9.957	1,6%	-0,4%
Tài sản có khác	81.654	59.593	44.693	44.224	45.733	3,4%	2,3%
<b>Tổng tài sản có</b>	<b>1.808.811</b>	<b>2.032.614</b>	<b>2.385.388</b>	<b>2.469.863</b>	<b>2.609.788</b>	<b>5,7%</b>	<b>9,4%</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>							
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	104.779	21.814	154.284	138.575	138.528	0,0%	-10,2%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	209.430	304.322	276.141	309.039	306.986	-0,7%	11,2%
Tiền gửi của khách hàng	1.249.176	1.410.899	1.606.317	1.621.227	1.719.958	6,1%	7,1%
Công cụ TC phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	556	391				-100,0%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	2.392	2.238	2.180	2.115	2.164	2,3%	-0,8%
Phát hành giấy tờ có giá	91.370	115.376	151.678	203.356	227.954	12,1%	50,3%
Các khoản nợ khác	43.347	51.537	45.892	41.036	49.732	21,2%	8,4%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.700.495</b>	<b>1.906.742</b>	<b>2.236.883</b>	<b>2.315.881</b>	<b>2.445.962</b>	<b>5,6%</b>	<b>9,3%</b>
Vốn của TCTD	57.868	63.511	63.584	63.584	64.068	0,8%	0,8%
Trong đó: Vốn điều lệ	48.058	53.700	53.700	53.700	53.700	0,0%	0,0%
Quỹ của TCTD	16.075	19.044	25.317	25.314	25.344	0,1%	0,1%
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	121	87	243	230	409	78,2%	68,4%
Lợi nhuận chưa phân phối	33.513	42.369	58.390	63.803	72.903	14,3%	24,9%
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>108.316</b>	<b>125.872</b>	<b>148.505</b>	<b>153.982</b>	<b>163.826</b>	<b>6,4%</b>	<b>10,3%</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	739	861	971	1.051	1.102	4,9%	13,6%
<b>Tổng nợ phải trả và nguồn vốn</b>	<b>1.808.811</b>	<b>2.032.614</b>	<b>2.385.388</b>	<b>2.469.863</b>	<b>2.609.788</b>	<b>5,7%</b>	<b>9,4%</b>



## Bảng kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	2022 trình bày lại	2023 kiểm toán	2024 kiểm toán	6T2024	6T2025	6T2025 vs. 6T2024
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	104.665	132.672	124.461	61.090	67.561	10,6%
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(56.873)	(79.714)	(62.058)	(30.577)	(36.243)	18,5%
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>47.792</b>	<b>52.957</b>	<b>62.403</b>	30.513	31.318	2,6%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	11.549	12.385	12.233	6.270	6.016	-4,0%
Chi phí hoạt động dịch vụ	(5.687)	(5.271)	(5.537)	(2.605)	(2.972)	14,1%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	5.862	7.114	6.696	3.665	3.045	-16,9%
Lãi/lỗ thuần từ HĐKD ngoại hối	3.556	4.248	4.197	2.530	2.019	-20,2%
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(112)	293	92	63	451	617,6%
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(30)	(154)	(288)	(140)	122	-187,0%
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	6.538	5.803	8.419	1.865	4.176	123,9%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	512	287	391	210	240	14,2%
Thu nhập ngoài lãi	16.325	17.591	19.506	8.194	10.053	22,7%
<b>Tổng thu nhập</b>	<b>64.117</b>	<b>70.548</b>	<b>81.909</b>	38.707	41.370	6,9%
Chi phí hoạt động	(19.195)	(20.443)	(22.546)	(9.881)	(11.366)	15,0%
<b>Lợi nhuận thuần từ HĐKD trước chi phí DPRR TD</b>	<b>44.922</b>	<b>50.105</b>	<b>59.363</b>	28.826	30.004	4,1%
Chi phí DPRR tín dụng	(23.791)	(25.115)	(27.599)	(15.866)	(11.084)	-30,1%
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>21.132</b>	<b>24.990</b>	<b>31.764</b>	12.960	18.920	46,0%
Chi phí thuế TNDN	(4.148)	(4.945)	(6.281)	(2.548)	(3.669)	44,0%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>16.984</b>	<b>20.045</b>	<b>25.483</b>	10.412	15.251	46,5%
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(60)	(141)	(134)	(88)	(163)	85,3%
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế của chủ sở hữu</b>	<b>16.924</b>	<b>19.904</b>	<b>25.348</b>	10.324	15.089	46,2%





CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	CÔNG THỨC TÍNH
Tỷ lệ nợ xấu	Nợ xấu/ Dư nợ cho vay khách hàng
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	DPRR cho vay khách hàng/ Nợ xấu
Tài sản thanh khoản cao	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý + Tiền gửi tại NHNN + Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác + TPCP
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	Tài sản thanh khoản cao/ Tổng nợ phải trả
ROA	Lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản bình quân
ROE	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân
NIM	Thu nhập lãi thuần/ Tài sản sinh lời bình quân
COF	Chi phí lãi/ Công nợ lãi phải trả bình quân
CIR	Chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập hoạt động



# Tìm hiểu về VietinBank qua các ấn phẩm khác

(Click tại các tiêu đề/ảnh minh họa dưới đây để truy nhập link ▼)



## ĐIỂM TIN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HÀNG QUÝ)

Tại đây



## Website: www.investor.vietinbank.vn

Tại đây

**CHUYÊN TRANG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ**

Tổng quan | Công bố thông tin | Sự kiện | Tài liệu dành cho NĐT | Báo cáo thường niên | Cổ phiếu CTG | Quản trị doanh nghiệp | Liên hệ & Câu hỏi

### Quý 1/2025 - Bước tiến vững chắc trong hiệu quả kinh doanh và chuyển đổi số

Trong quý 1/2025, VietinBank tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực với hiệu quả kinh doanh nổi bật, kiểm soát chặt chẽ chất lượng tài sản và đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện. Tổng tài sản, dư nợ cho vay và CASA đều ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng; lợi nhuận trước thuế đạt **6,8 nghìn tỷ đồng**, tăng **99%** so với cùng kỳ, tiếp tục trong nhóm ngân hàng dẫn đầu.

Trong bối cảnh nhiều thách thức của kinh tế thế giới và trong nước, VietinBank vẫn đảm bảo các tỷ lệ an toàn, kiểm soát nợ xấu ở mức thấp và đẩy mạnh các sáng kiến chiến lược về công nghệ, dữ liệu và tự động hóa. Năm 2025 đánh dấu giai đoạn then chốt trong lộ trình chuyển đổi số với nhiều thay đổi cốt lõi về mô hình, sản phẩm và chiến lược vận hành của VietinBank.

Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng tham khảo báo cáo tài chính và tài liệu dành cho nhà đầu tư.

TỔNG QUAN | CÔNG BỐ THÔNG TIN | SỰ KIỆN | TÀI LIỆU DÀNH CHO NĐT | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Cổ phiếu CTG	Bảng giá trực tuyến		Thông tin		Liên kết website
<b>47.500</b> <b>-0,20 (-0,42%)</b>	Khối lượng giao dịch 8.862.900 <b>(-29,31%)</b>	Chỉ số ngành 47,23 <b>(+0,32%)</b>	Mạng lưới	Doanh nghiệp	<a href="#">VietinBank CAPITAL</a> <a href="#">VietinBank LEASING</a>
11.08.2025	VNIndex 1596,86 <b>(+0,75%)</b>		Biểu phí dịch vụ	Cá nhân	
			Công cụ tiện ích		



Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư -  
Ban Thư ký HĐQT&QHCD - Văn phòng HĐQT



Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội



0243 9413622



investor@vietinbank.vn



## **TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM:**

Bài trình bày này sử dụng báo cáo tài chính và các nguồn tin đáng tin cậy khác, tuy nhiên chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. Người đọc chỉ nên sử dụng bài trình bày này như một nguồn thông tin tham khảo. Những thông tin trong bài trình bày có thể được cập nhật theo thời gian và chúng tôi không có trách nhiệm thông báo về những sự thay đổi này.

*Nin trân trọng cảm ơn!*

